



BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

20

Tháng 10 - 2014

# HỘI THẢO QUỐC TẾ “KHOA HỌC CÔNG NGHỆ - ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VIỆT NAM”

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2014



Thức trưởng Lê Quang Hùng phát biểu tại Hội thảo



Chủ tịch Hội VLXD Trần Văn Huỳnh báo cáo tham luận tại Hội thảo

**THÔNG TIN  
XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ MƯỜI LĂM**

**20**

**SỐ 20 - 10/2014**



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## **MỤC LỤC**

### **Văn bản quản lý**

#### **Văn bản các cơ quan TW**

- Quyết định số 1874/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 5
- Quyết định số 56/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý, sử dụng nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước phục vụ hoạt động đối ngoại của Nhà nước 7

#### **Văn bản của địa phương**

- Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam 9
- Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án và quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội 11
- Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị 13

## CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

**TS. ĐẶNG KIM GIAO**

### **Ban biên tập:**

CN. NGUYỄN THỊ MINH HOA

**(Trưởng ban)**

CN. BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

CN. ĐỖ KIM NHẬN

CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN

CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

ThS. PHẠM KHÁNH LY

ThS. HOÀNG ĐẠI HẢI

## **Khoa học công nghệ xây dựng**

- Hội thảo quốc tế “Khoa học công nghệ - Động lực 16 phát triển bền vững ngành Công nghiệp Vật liệu xây dựng Việt Nam”
- Hội nghị thẩm định Quy hoạch chung Khu kinh tế 17 Cửa khẩu An Giang - tỉnh An Giang đến năm 2030
- Hội nghị thẩm định Quy hoạch chung Khu kinh tế 19 Cửa khẩu Long An - tỉnh Long An đến năm 2030
- Nghiệm thu 03 dự thảo tiêu chuẩn: (MS: TC 41- 21 2013), (MS: TC 42- 13) và (MS: TC 43- 2013)
- Thủy tinh bọt - Sự quay trở lại thị trường xây dựng Nga 22
- Mối quan hệ giữa thiết kế nhà cao tầng và không gian 25 đô thị

## **Thông tin**

- Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng tiếp Ngài Gunther Adler - 28 Quốc Vụ khanh Bộ Môi trường, Bảo tồn thiên nhiên, Xây dựng và An toàn hạt nhân Cộng hòa Liên bang Đức
- Lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Hội Vật liệu xây 29 dựng Việt Nam (1984 - 2014)
- Những biện pháp lâu dài trong việc thúc đẩy xây dựng 31 cơ sở hạ tầng đô thị của thành phố Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc
- Kết cấu kháng chấn nhà ở của người dân nước Mỹ và 34 những gợi ý
- Lựa chọn thông minh trong xây dựng đô thị 37
- Nên lấy tiêu chí phù hợp cư trú làm mục tiêu phát triển 39 thành phố vừa và nhỏ
- Ngành Xây dựng với việc cung cấp nhân lực cho công 41 tác an toàn sinh thái xây dựng và phát triển bền vững vùng lãnh thổ

## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

### **Quyết định số 1874/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**

Ngày 13/10/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1874/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với quan điểm: Phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Chiến lược biển Việt Nam, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải Miền Trung đến năm 2020, đảm bảo thống nhất với quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực; phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế so sánh của vùng về vị trí địa kinh tế - chính trị, tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên biển và giá trị văn hóa của các địa phương trong vùng để đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững. Tập trung phát triển mạnh công nghiệp có lợi thế và dịch vụ, du lịch chất lượng cao tầm cỡ khu vực và quốc tế gắn với phát triển hệ thống đô thị nhằm thu hẹp khoảng cách với các vùng Kinh tế trọng điểm khác trên cả nước; phát huy nhân tố con người, coi đó là nguồn lực phát triển quan trọng của Vùng, tập trung đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực có chất lượng cao có cơ cấu hợp lý, đáp ứng nhu cầu thị trường, gắn phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến; phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, từng bước thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các khu vực

và giữa các đồng bào dân tộc trong Vùng; phát triển bền vững, hài hòa giữa các mục tiêu về phát triển kinh tế, phát triển xã hội và cải thiện môi trường sinh thái với việc bảo vệ tài nguyên nước, rừng, môi trường biển và ven biển, hướng tới biển xanh, gắn chặt phát triển kinh tế với xây dựng tiềm lực quốc phòng - an ninh, giữ vững chủ quyền và bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ, độc lập của quốc gia, tăng cường khả năng phòng chống thiên tai bão lụt và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Quy hoạch này đã đề ra các mục tiêu cụ thể. Về kinh tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khoảng 8%/năm giai đoạn đến năm 2015 và khoảng 9%/năm giai đoạn 2016 - 2020, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu GDP lên 44,5% năm 2015 và 45% năm 2020, tỉ trọng khu vực dịch vụ tăng lên 40,5% năm 2015 và 43% năm 2020, tỉ trọng nông nghiệp trong cơ cấu GDP giảm xuống 15% vào năm 2015 và 12% năm 2020, tốc độ tăng giá trị xuất khẩu đạt bình quân khoảng 18%/năm đến năm 2015 và giai đoạn 2016 - 2020 giữ nhịp tăng trưởng của xuất khẩu trên mức 20%/năm, tốc độ đổi mới công nghệ đạt bình quân 20 - 25%/năm. Về văn hóa - xã hội, tốc độ tăng dân số của Vùng giai đoạn đến năm 2020 duy trì bình quân khoảng 1,1%/năm, đến năm 2015 dân số của Vùng khoảng 6,5 triệu người và khoảng 6,9 triệu người vào năm 2020; đến năm 2020, giải quyết việc làm cho khoảng 150 nghìn lao động, tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%, tỉ lệ sử

dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn lên 85%, tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 45% vào năm 2015 và đạt trên 65% vào năm 2020; tỉ lệ đô thị hóa đạt 42% vào năm 2015 và 49,5% vào năm 2020, quy mô dân số đô thị của Vùng sẽ đạt khoảng 2,7 triệu người vào năm 2015 và 3,4 triệu người vào năm 2020. Về bảo vệ môi trường, đến năm 2020 có trên 95% dân số nông thôn và 100% dân số thành thị được sử dụng nước hợp vệ sinh, tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải, trên 80% các cơ sở sản xuất, kinh doanh hiện có đạt tiêu chuẩn về môi trường, các đô thị loại 4 trở lên và tất cả các khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung, 95% chất thải rắn thông thường, 85% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường; nâng độ che phủ rừng lên 47% vào năm 2020, ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường do hoạt động của con người và tác động của tự nhiên gây ra, bảo vệ hệ sinh thái biển, ven biển và đa dạng sinh học, hệ thống các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, chủ động phòng, tránh nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của bão, lũ, thiên tai, biến đổi khí hậu.

Cũng theo Quy hoạch này, định hướng đến năm 2030, vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung tiếp tục là khu vực phát triển năng động với tốc độ nhanh và bền vững, chất lượng tăng trưởng ngày càng cao, là vùng có cảnh quan môi trường tốt và là trung tâm dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao của cả nước và khu vực Đông Nam Á, có cơ cấu kinh tế hiện đại, không gian phát triển đô thị và công nghiệp gắn với biển. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2021 - 2030 đạt bình quân khoảng 99%, GDP bình quân đầu người vượt qua 10.000 USD/năm, gấp khoảng 2,5 lần so với năm 2020, tỉ trọng khu vực dịch vụ chiếm trên 50% trong cơ cấu GDP. Tiếp tục nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân trong vùng, giữ gìn

và phát huy văn hóa truyền thống, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Phát triển mạng lưới y tế đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cơ bản của nhân dân, chú trọng chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, phát triển Đà Nẵng, Huế thành hạt nhân của Trung tâm y tế chuyên sâu miền Trung. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế như cơ sở hạ tầng cảng biển, các khu, điểm du lịch, các khu kinh tế, khu công nghiệp và khu kinh tế cửa khẩu được đầu tư đồng bộ và hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch, thương mại và giao dịch quốc tế lớn của Vùng và cả nước, hoàn thiện kết cấu hạ tầng của các đô thị lớn gắn với phát triển các khu kinh tế và các vùng lân cận, thúc đẩy giao lưu kinh tế trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây của tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng và khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam.

Về định hướng xây dựng nông thôn mới, đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển vùng sản xuất hàng hóa nhằm nâng cao thu nhập và ổn định đời sống nhân dân. Coi kinh tế nông nghiệp, nông thôn là vệ tinh phát triển của các khu kinh tế và các đô thị trong Vùng. Về phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội làm động lực để phát triển kinh tế - xã hội cho cả Vùng và vùng Tây Nguyên, kết hợp chặt chẽ đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông với thủy lợi và đê biển, phát triển đồng bộ hạ tầng đô thị và điểm dân cư nông thôn; tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống cấp nước, đáp ứng đủ nhu cầu sinh hoạt tại các đô thị, khu dân cư và khu công nghiệp; nghiên cứu xây dựng các dự án cấp nước phù hợp đối với các khu vực nông thôn, ven biển và hải đảo; tiếp tục triển khai các dự án thoát nước thải và nước mưa tại các đô thị, khu công nghiệp đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường.

Về phát triển không gian đô thị, phát triển mạng lưới đô thị gắn với phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu

kinh tế cửa khẩu, khu thương mại, khu du lịch theo hướng đa trung tâm, tạo mạng lưới liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong Vùng với các vùng lân cận. Về phát triển điểm dân cư nông thôn, tổ chức lại các điểm dân cư nông thôn bảo đảm mỹ quan, môi trường trong sạch và an toàn giao thông. Quy hoạch, cải tạo và xây dựng các làng nghề theo hướng phát triển bền vững; thực hiện hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới gắn kết chặt chẽ với các chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế

- xã hội trên địa bàn; huy động, tổng hợp các nguồn lực, nhất là sự tham gia của nhân dân vào xây dựng nông thôn mới, xây dựng các cụm dân cư nông thôn có cơ sở hạ tầng đồng bộ, củng cố và xây dựng hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cảng, các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá và các công trình kết cấu hạ tầng nông thôn.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))

## **Quyết định số 56/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý, sử dụng nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước phục vụ hoạt động đối ngoại của Nhà nước**

Ngày 06/10/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 56/2014/QĐ-TTg về việc quản lý, sử dụng nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước phục vụ hoạt động đối ngoại của Nhà nước.

Theo Quyết định này, việc quản lý, sử dụng nhà, đất phục vụ đối ngoại thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản nhà nước, pháp luật đất đai, pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan; trường hợp các Điều ước quốc tế mà Chính phủ Việt Nam là thành viên có quy định khác thì thực hiện theo Điều ước quốc tế đã ký. Việc bố trí sử dụng nhà, đất phục vụ đối ngoại phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích phục vụ hoạt động đối ngoại của Nhà nước. Việc quản lý nhà, đất phục vụ đối ngoại được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm được xử lý theo quy định của pháp luật. Giá cho thuê nhà, đất phục vụ đối ngoại được xác định theo thị trường, đảm bảo bù đắp chi phí, có tích lũy để bảo tồn và phát triển nhà, đất phục vụ đối ngoại, trừ các trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép miễn hoặc áp dụng giá cho thuê thấp hơn thị trường để bảo đảm quan hệ đối ngoại của Nhà nước.

Căn cứ Hiệp định hoặc Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa (CHXHCN) Việt Nam với Chính phủ nước ngoài, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng nhà, đất phục vụ đối ngoại theo hình thức hồ tương thực hiện: Thỏa thuận với đối tượng được sử dụng nhà, đất để ký Hợp đồng (hoặc Thỏa thuận) về trách nhiệm của các bên trong thời gian sử dụng nhà, đất; tổ chức thực hiện bàn giao nhà, đất cho người sử dụng (việc bàn giao được lập thành Biên bản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước); thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Bên Việt Nam đối với việc sử dụng nhà, đất ghi tại Hiệp định hoặc Thỏa thuận giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam với Chính phủ nước ngoài; tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, bảo vệ nhà, đất do người sử dụng trả lại khi hết thời hạn sử dụng hồ tương, lập phương án bố trí sử dụng, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp Hiệp định hoặc Thỏa thuận giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam với Chính phủ nước ngoài có quy định trách nhiệm của Bên Việt Nam phải thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhà trong thời gian sử dụng thì chi phí

bảo dưỡng, sửa chữa do đơn vị được giao trực tiếp quản lý nhà, đất phục vụ đối ngoại tự đảm bảo từ nguồn thu sự nghiệp. Trường hợp phải đầu tư, cải tạo, nâng cấp được sử dụng từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị. Việc bảo dưỡng, sửa chữa, đầu tư, cải tạo, nâng cấp được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, pháp luật về đầu tư xây dựng, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan. Nhà nước không thu tiền thuê nhà, đất đối với diện tích nhà, đất phục vụ đối ngoại sử dụng theo hình thức hỗ tương.

Đối với nhà, đất phục vụ đối ngoại sử dụng theo hình thức giao sử dụng nhà, đất không phải trả tiền, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng nhà, đất phục vụ đối ngoại thực hiện thỏa thuận với đối tượng được sử dụng nhà, đất để ký Hợp đồng (hoặc Thỏa thuận) về trách nhiệm của các bên trong thời gian sử dụng nhà, đất; tổ chức thực hiện bàn giao nhà, đất cho người sử dụng; thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Bên Việt Nam đối với việc sử dụng nhà, đất ghi tại Hiệp định hoặc Thỏa thuận giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam với Chính phủ nước ngoài; tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, bảo vệ nhà, đất do người sử dụng trả lại khi hết thời hạn sử dụng không phải trả tiền; lập phương án bố trí sử dụng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp Hiệp định hoặc Thỏa thuận giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam với Chính phủ nước ngoài có quy định trách nhiệm của Bên Việt Nam phải bảo dưỡng, sửa chữa nhà trong thời gian sử dụng thì chi phí bảo dưỡng, sửa chữa do đơn vị được giao trực tiếp quản lý nhà, đất phục vụ đối ngoại tự đảm bảo từ nguồn thu sự nghiệp, trường hợp phải đầu tư, cải tạo, nâng cấp được sử dụng từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị. Việc bảo dưỡng, sửa chữa, đầu tư, cải tạo, nâng cấp được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, pháp luật về đầu tư xây dựng, pháp luật về ngân sách nhà

nước và pháp luật khác có liên quan. Nhà nước không thu tiền thuê nhà, đất đối với diện tích nhà, đất sử dụng theo hình thức giao sử dụng nhà, đất không phải trả tiền.

Đối với nhà, đất phục vụ đối ngoại sử dụng để cho thuê, giá cho thuê nhà đất phục vụ đối ngoại được thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Nhà nước theo nguyên tắc có đi có lại. Đơn vị được giao trực tiếp quản lý nhà, đất phục vụ đối ngoại ký Hợp đồng thuê nhà với tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, văn phòng nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đơn vị được giao trực tiếp quản lý nhà, đất phục vụ đối ngoại được miễn tiền thuê đất đối với diện tích nhà, đất phục vụ đối ngoại cho các tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, văn phòng nước ngoài thuê. Việc bảo dưỡng, sửa chữa nhà thực hiện theo Hợp đồng thuê nhà ký giữa Bên thuê và Bên cho thuê nhà.

Nhà, đất phục vụ đối ngoại cho tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, văn phòng nước ngoài thuê không thuộc nhiệm vụ Nhà nước giao, đơn vị được giao trực tiếp quản lý nhà, đất phục vụ đối ngoại phải nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật đối với diện tích nhà, đất phục vụ đối ngoại cho các tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, văn phòng nước ngoài thuê. Đơn vị được giao trực tiếp quản lý nhà, đất phục vụ đối ngoại ký Hợp đồng thuê nhà với tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, văn phòng nước ngoài và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật Việt Nam. Việc cho thuê nhà, đất phục vụ đối ngoại thực hiện theo phương thức chỉ định, giá cho thuê đảm bảo phù hợp với giá cho thuê nhà trên thị trường tại thời điểm thuê. Việc bảo dưỡng, sửa chữa nhà thực hiện theo Hợp đồng thuê nhà được ký giữa Bên thuê và Bên cho thuê nhà.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2014.

**(Xem toàn văn tại [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn))**



**VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG****Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

Ngày 12/9/2014, UBND tỉnh Hà Nam đã có Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Theo Quy định này, người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất nếu có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì được bồi thường. Việc bồi thường được thực hiện bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND tỉnh quyết định tại thời điểm thu hồi đất. Trường hợp thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân, nếu xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã) còn quỹ đất mà chủ sử dụng đất có nhu cầu thì được bồi thường bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng. Việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, kịp thời và đúng quy định của pháp luật.

Các trường hợp sau đây khi Nhà nước thu hồi đất mà đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai mà không còn đất ở nào khác trên địa bàn cấp xã nơi có đất bị thu hồi thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền còn được giao đất ở tái định cư có thu tiền sử dụng đất: Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam bị thu hồi hết đất ở; hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam bị thu hồi đất ở nhưng phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định. Đối với trường hợp trên thửa đất ở có

nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống, nhiều hộ có đồng quyền sử dụng đất thì mỗi hộ được giao 01 suất tái định cư. Trường hợp diện tích đất ở còn lại đủ điều kiện để ở cho 01 hộ thì chỉ giao đất ở tái định cư cho các hộ còn lại.

Diện tích đất ở tái định cư được giao như sau: Trường hợp diện tích đất ở bị thu hồi của một hộ gia đình, cá nhân nhỏ hơn diện tích tối thiểu khi tách thửa đối với đất ở theo từng khu vực thì được giao 01 suất tái định cư tối thiểu/hộ; trường hợp diện tích đất ở bị thu hồi lớn hơn diện tích tối thiểu khi tách thửa đối với đất ở theo từng khu vực thì được giao đất ở tái định cư theo quy hoạch nhưng không lớn hơn diện tích giao đất ở mới tối đa theo quy định.

Về bồi thường đất khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng, Quy định này quy định: Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu được bồi thường bằng đất, nếu địa phương còn quỹ đất phi nông nghiệp không phải là đất ở và phù hợp với quy hoạch thì được bồi thường bằng đất có cùng mục đích sử dụng. Diện tích đất được bồi thường tối đa không vượt quá diện tích đất thu hồi, thời hạn được miễn tiền thuê đất bằng thời hạn thuê đất còn lại của đất đã thu hồi. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu được bồi thường bằng đất hoặc có nhu cầu bồi thường bằng đất nhưng địa phương không còn

quỹ đất phi nông nghiệp không phải là đất ở thì được bồi thường bằng tiền. Tiền bồi thường được tính theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Cũng theo Quy định này, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đồng quyền sử dụng đất tự thỏa thuận để phân chia tiền bồi thường về đất. Việc thỏa thuận này phải được lập thành văn bản và phải có chữ ký của các bên có đồng quyền sử dụng đất và xác nhận của UBND cấp xã nơi có đất bị thu hồi. Trường hợp không tự thỏa thuận phân chia tiền bồi thường thì tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đồng quyền sử dụng đất phải cử người đại diện theo quy định của pháp luật để nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Trường hợp không cử được người đại diện thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi tiền bồi thường vào tài khoản ngân hàng. Việc phân chia tiền bồi thường về đất trong trường hợp không tự thỏa thuận, được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Đất ở, các loại đất khác trong cùng thửa với đất ở của một chủ sử dụng thuộc trường hợp Nhà nước không thu hồi đất thì chủ sử dụng đất được bồi thường, hỗ trợ 01 lần do hạn chế khả năng sử dụng đất đối với diện tích nằm trong hành lang an toàn như sau: Đối với đất ở hợp pháp (bao gồm cả đất vườn, ao trong cùng thửa đất với đất ở được công nhận là đất ở) thì được bồi thường, hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường khi thu hồi đất ở; đối với các loại đất khác hợp pháp trong cùng thửa đất với đất ở thì các loại đất khác được bồi thường, hỗ trợ bằng 30% mức bồi thường khi thu hồi các loại đất đó. Đối với đất trồng cây lâu năm không nằm trong thửa đất có đất ở, đất rừng sản xuất thì được hỗ trợ 01 lần. Mức hỗ trợ bằng 20% mức bồi thường khi thu hồi các loại đất đó. Diện tích đất được bồi thường, hỗ trợ là diện tích nằm trong hàng lang. Khi hành lang bảo vệ an toàn công trình chiếm dụng khoảng không trên 70% diện tích

thửa đất hợp pháp có nhà ở, công trình xây dựng thì phần diện tích đất còn lại cũng được bồi thường, hỗ trợ 01 lần theo quy định. Đối với đất nằm trong hành lang bảo vệ các công trình khác, UBND cấp huyện báo cáo, đề xuất phương án trình UBND tỉnh xem xét, quyết định mức bồi thường, hỗ trợ đối với từng trường hợp cụ thể.

Các thửa đất có diện tích còn lại sau khi thu hồi đất không đủ điều kiện để ở gồm: Diện tích đất sau khi thu hồi chỉ còn đất ở mà không đảm bảo đủ các điều kiện về diện tích, kích thước theo quy định của UBND tỉnh về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở theo từng khu vực; diện tích đất sau khi thu hồi còn cả đất ở và các loại đất khác nhưng tổng diện tích còn lại không đảm bảo đủ các điều kiện về diện tích, kích thước theo quy định của UBND tỉnh về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở theo từng khu vực. Nhà nước thu hồi đất đối với phần diện tích còn lại của các thửa đất sau khi thu hồi có diện tích không đủ điều kiện để ở. Nếu các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu chuyển quyền, nhận chuyển quyền sử dụng đất để tạo thành thửa đất có diện tích, kích thước đủ điều kiện để ở theo quy định thì trong thời gian tối đa là 60 ngày (kể từ ngày nhận được thông báo của UBND cấp huyện) phải thực hiện xong việc chuyển quyền, nhận chuyển quyền sử dụng đất.

Cũng theo Quy định này, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở mà phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được giao 01 suất đất ở tái định cư tối thiểu có thu tiền sử dụng đất theo quy định của UBND tỉnh. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở mà không còn đất ở nào khác trên địa bàn cấp xã nơi có đất bị thu hồi, được giao và nhận đất tái định cư mà số tiền được bồi thường về đất nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu thì được hỗ trợ khoản

tiền chênh lệch đó. Trường hợp khi thu hồi đất ở mà hộ gia đình, cá nhân không còn chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất bị thu hồi, nếu tại vị trí thu hồi người sử dụng đất còn đất khác (không phải là đất ở) mà phù hợp với quy hoạch làm đất ở thì được phép tái định cư tại chỗ bằng cách cho phép chuyển mục đích sử dụng sang đất ở. Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng không quá hạn mức giao đất ở mới tối

đa theo quy định của UBND tỉnh, phải nộp tiền sử dụng đất khi chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật và được hỗ trợ tiền đầu tư hạ tầng theo quy định.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại [www.hanam.gov.vn](http://www.hanam.gov.vn))

**Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND của UBND  
thành phố Hà Nội ban hành Quy định về lập,  
thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án và quản lý  
theo đồ án quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố  
Hà Nội**

Ngày 17/9/2014, UBND thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 72/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án và quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Theo Quy định này, việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20/11/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế và các quy định khác có liên quan theo quy định của pháp luật. Đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, việc triển khai nhiệm vụ và đồ án sẽ được UBND Thành phố giao các Sở, ngành hoặc các cơ quan, tổ chức có chức năng quản lý chuyên ngành tổ chức triển khai lập, thẩm định và trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định, đảm bảo sự đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật đô thị. Đồ án thiết kế đô thị riêng (Thiết kế đô thị cho một tuyến phố; Thiết kế đô thị cho các ô phố, lô phố) được lập tại các khu vực đã cơ bản ổn định chức năng sử dụng của các lô đất (không cần phải lập đồ án

quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết) để làm cơ sở quản lý đầu tư xây dựng và cấp giấy phép xây dựng. Việc tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt đồ án thiết kế đô thị riêng được thực hiện theo quy định đối với đồ án tại Thông tư 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 và số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn về nội dung Thiết kế đô thị.

Về nguyên tắc, việc thực hiện công tác lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án và quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố phải tuân thủ các quy định của Luật, Quy hoạch sử dụng đất và Kế hoạch sử dụng đất của Thành phố được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, phù hợp với điều kiện thực tiễn, yêu cầu quản lý của thành phố Hà Nội. Trong quá trình thẩm định quy hoạch đô thị, các cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị có trách nhiệm thực hiện hoàn chỉnh các hồ sơ quy hoạch đô thị đúng thời hạn theo quy định và nội dung hướng dẫn của cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị. Mọi sự chậm trễ thuộc trách nhiệm của đơn vị nào, đơn vị đó phải chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố. Bảo đảm

tương ứng giữa nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm với nguồn lực tài chính, tổ chức, nhân sự và các điều kiện cần thiết khác; đảm bảo phối hợp chặt chẽ giữa các ngành và các cấp chính quyền địa phương trong triển khai quản lý, thực hiện quy hoạch. Việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị, đồ án thiết kế đô thị riêng tuân thủ việc xin ý kiến cộng đồng dân cư và các cơ quan có liên quan, và theo trình tự chính sau: Lập nhiệm vụ quy hoạch; thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch; lập đồ án quy hoạch; thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch; công bố, công khai quy hoạch.

Theo Quy định này, UBND Thành phố tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật thành phố, quy hoạch chung đô thị mới, quy hoạch phân khu trong đô thị trung tâm, quy hoạch phân khu thuộc các đô thị vệ tinh, thị trấn sinh thái và khu vực phát triển đô thị trong phạm vi liên quan đến địa giới hành chính 2 quận, huyện trở lên, không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều 19 Luật Quy hoạch đô thị; tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án thiết kế đô thị riêng, đồ án quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị trong phạm vi liên quan đến địa giới hành chính 2 quận, huyện trở lên và các khu vực đặc thù, khu vực có ý nghĩa quan trọng; giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc và các tổ chức khác tổ chức triển khai lập các đồ án quy hoạch theo quy định trên và các quy hoạch tổng mặt bằng tại các khu vực có ý nghĩa quan trọng, khu vực đặc thù của Thành phố không thuộc loại phải lập quy hoạch chi tiết theo quy định.

UBND quận tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu tại khu vực phát triển đô thị trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, trừ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch nêu trên; tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết đối với các khu chức năng đô thị trong các khu vực đã có quy hoạch phân khu được duyệt, quy hoạch các khu dân cư cải tạo chỉnh trang trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, quy hoạch tổng mặt bằng tỉ lệ 1:500. UBND huyện,

thị xã tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung huyện, thị xã, thị trấn huyện lỵ, quy hoạch phân khu tại khu vực phát triển đô thị trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý; tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết tại thị trấn huyện lỵ, các khu chức năng đô thị trong các khu vực đã có quy hoạch phân khu (hoặc quy hoạch chung thị trấn sinh thái) được duyệt, quy hoạch các khu dân cư cải tạo chỉnh trang trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, quy hoạch tổng thể mặt bằng tỉ lệ 1:500.

Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết hoặc quy hoạch tổng mặt bằng tỉ lệ 1:500 (đối với các dự án không phải lập quy hoạch chi tiết theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ) thuộc phạm vi dự án được cấp có thẩm quyền giao đầu tư, trình cơ quan thẩm định và phê duyệt theo quy định. Việc lập quy hoạch đô thị phải do tổ chức tư vấn thực hiện. Điều kiện, năng lực của tổ chức tư vấn, cá nhân tham gia lập quy hoạch đô thị, thực hiện theo Điều 5 đến Điều 11 Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ.

Về thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị, Quy định này quy định: Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định, trình duyệt các nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị theo thẩm quyền phê duyệt của UBND Thành phố; phòng quản lý quy hoạch kiến trúc thuộc UBND các quận, huyện, thị xã thẩm định, trình duyệt các nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị theo thẩm quyền phê duyệt của UBND quận, huyện, thị xã. Chủ đầu tư dự án xây dựng chịu trách nhiệm trong việc thẩm định các nhiệm vụ quy hoạch chi tiết đối với các đồ án sau khi được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép quy hoạch, tiến hành tổ chức lập đồ án quy hoạch (hoặc quy hoạch tổng mặt bằng) trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

Về thẩm quyền phê duyệt, UBND Thành phố phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung thị xã, quy hoạch chung thị trấn, quy hoạch

chung các đô thị mới. Đối với các đồ án quy hoạch chung đô thị loại II, III, IV và đô thị mới, tuân thủ Khoản 2 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị. UBND quận, huyện, thị xã phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu đô thị thuộc địa giới hành chính 1 quận, huyện, thị xã tại khu vực đã có quy hoạch chung đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết các khu chức năng của đô thị thuộc địa giới hành chính 1 quận, huyện, thị xã (trừ các khu vực đặc thù và khu vực có ý nghĩa quan trọng) tại khu vực đã có quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch chung xây dựng huyện, quy hoạch chung thị xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận các quy hoạch tổng mặt bằng tỉ lệ 1:500 và phương án kiến trúc sơ bộ thuộc các dự án đầu tư sau khi được cấp giấy phép quy hoạch theo thẩm quyền tại Quyết định số 27/2011/QĐ-UBND ngày 30/8/2011 của UBND Thành phố hoặc báo cáo cấp thẩm quyền xem xét giao đơn vị thẩm định theo quy định trong trường hợp không đảm bảo quy định tại Điều 21 Quy định này; phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch các khu dân cư cải tạo chỉnh trang thuộc địa giới hành chính do mình quản lý (bao

gồm các khu đất nhỏ lẻ, xen kẹt theo quy định của UBND Thành phố). Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết khu vực đã được cấp thẩm quyền cấp Giấy phép quy hoạch.

Cơ quan, tổ chức lập quy hoạch đô thị, chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng có trách nhiệm lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị. Trong quá trình thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch, trên cơ sở tính chất các đồ án, cơ quan thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến Bộ Xây dựng, các Bộ, ngành có liên quan, Hội đồng thẩm định theo quy định hiện hành, trước khi trình các cấp thẩm quyền phê duyệt. Các ý kiến đóng góp phải được cơ quan tổ chức lập quy hoạch tổng hợp đầy đủ, có giải trình, tiếp thu và báo cáo cấp thẩm quyền xem xét trước khi quyết định phê duyệt theo thẩm quyền được phân cấp.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại [www.hanoi.gov.vn](http://www.hanoi.gov.vn))

## **Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

Ngày 19/9/2014, UBND tỉnh Quảng Trị đã có Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Theo Quy định này, việc xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 3 Nghị định 47/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau: Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh thì việc xác định chi phí bồi thường theo kết quả kiểm kê thực tế các chi phí đã thực hiện. Trường hợp kiểm

kê không xác định được các hạng mục chi phí đã đầu tư vào đất thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư căn cứ vào thực tế của việc sử dụng đất để lập dự toán chi phí đầu tư vào đất còn lại. Trường hợp không thể áp dụng một trong hai phương pháp trên thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng thu thập thông tin về chi phí, giá trị đầu tư vào đất thực tế, có xác nhận của UBND cấp xã để trình UBND cấp có thẩm quyền quyết định.

Việc xác định diện tích đất ở để bồi thường

thực hiện theo Điều 24 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Về nguyên tắc thu hồi đất gì thì bồi thường theo giá đất có cùng mục đích sử dụng. Nếu trên giấy tờ liên quan về đất không ghi rõ ranh giới từng loại đất đang sử dụng thì việc xác định loại đất để tính bồi thường như sau:  $A = B/C \times D$ , trong đó, A là diện tích đất ở, B là diện tích đất bị thu hồi, C là tổng diện tích đất thực tế sử dụng, D là diện tích đất ở theo quy định về hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh tại thời điểm thu hồi đất. Diện tích đất còn lại được bồi thường, hỗ trợ theo loại đất thực tế sử dụng. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chịu trách nhiệm xác định diện tích đất ở theo quy định. Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi nếu đủ điều kiện tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở bị thu hồi thì căn cứ vào điều kiện thực tế, UBND tỉnh quyết định bố trí tái định cư.

Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân quy định tại Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện theo quy định sau đây: Hộ gia đình, cá nhân có công với cách mạng đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải đất ở được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng khi Nhà nước thu hồi đất, thì căn cứ vào điều kiện thực tế quý đất tại địa phương, được bồi thường bằng đất hoặc bằng tiền với mức bồi thường bằng 100% đơn giá loại đất tương ứng.

Việc bồi thường thiệt hại đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện theo Khoản 1 Điều 89 Luật Đất đai. Đối với nhà, công trình xây dựng khác không thuộc đối tượng quy

định nêu trên, thực hiện theo Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, được tính bồi thường theo mức sau: Mức bồi thường nhà, công trình bằng tổng giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại và khoản tiền tính bằng tỉ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình đó. Trong đó, giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại được xác định bằng tỉ lệ phần trăm chất lượng còn lại của nhà, công trình đó nhân với giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Bộ quản lý chuyên ngành ban hành. Khoản tiền tính bằng tỉ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường đánh giá thực tế khi kiểm kê của từng nhà, công trình và lập phương án trình Hội đồng thẩm định xem xét trình cấp có thẩm quyền quyết định nhưng mức bồi thường không quá 100% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại.

Đối với nhà, công trình xây dựng khác bị phá dỡ một phần mà phần còn lại không còn sử dụng được thì được bồi thường cho toàn bộ nhà, công trình. Trường hợp nhà, công trình xây dựng khác bị phá dỡ một phần nhưng phần còn lại vẫn tồn tại và sử dụng được thì được bồi thường giá trị phần bị thiệt hại và chi phí để cải tạo, sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại theo tiêu chuẩn, kỹ thuật tương đương của nhà, công trình trước khi bị phá dỡ. Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành ban hành thì mức bồi thường theo giá trị thực tế của nhà, công trình.

Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện theo quy định như sau: Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ. Đất ở và các loại đất khác trong cùng thửa với đất ở của một chủ sử dụng (kể cả trường hợp không cùng thửa với đất ở) nằm trong hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ đủ

điều kiện bồi thường khi Nhà nước không thu hồi đất thì được bồi thường do hạn chế khả năng sử dụng đất. Mức bồi thường tối đa bằng 70% giá loại đất tương ứng. Trường hợp đất ở và các loại đất khác không đủ điều kiện bồi thường theo quy định thì được xem xét hỗ trợ; mức hỗ trợ tối đa bằng 40% giá loại đất tương ứng. Nhà ở, công trình khác có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ, xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường không phải di dời thì được bồi thường một phần do hạn chế khả năng sử dụng và ảnh hưởng trong sinh hoạt. Mức bồi thường tối đa bằng 70% đơn giá của UBND tỉnh quy định tại thời điểm có quyết định thu hồi. Trường hợp nhà ở, công trình khác xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường theo quy định thì được xem xét hỗ trợ, mức hỗ trợ tối đa bằng 40% đơn giá của UBND tỉnh quy định tại thời điểm có quyết định thu hồi.

Cũng theo Quy định này, người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ, thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và diện tích cơ sở trái phép, nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp. Mức bồi thường theo khối lượng cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, nhưng tối đa không quá 50%

đơn giá loại nhà, vật kiến trúc theo quy định của UBND tỉnh. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất chung có đồng quyền sử dụng đất, khi Nhà nước thu hồi đất được bồi thường theo diện tích đất thuộc quyền sử dụng. Nếu không có giấy tờ xác định diện tích đất thuộc quyền sử dụng riêng của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thì tự thỏa thuận, phân chia tiền bồi thường cho các đối tượng đồng quyền sử dụng. Trường hợp không tự thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở quy định tại Khoản 2 Điều 22 Nghị định 47/2014/NĐ-CP. Cụ thể, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở mà tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất còn được hỗ trợ một khoản tiền bằng suất đầu tư hạ tầng tính cho một hộ gia đình tại khu tái định cư tập trung trừ trường hợp đã được nhận khoản tiền hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2014.

**(Xem toàn văn tại [www.quangtri.gov.vn](http://www.quangtri.gov.vn))**



## Hội thảo quốc tế “Khoa học công nghệ - Động lực phát triển bền vững ngành Công nghiệp Vật liệu xây dựng Việt Nam”

Ngày 22/10/2014, Hội thảo quốc tế “Khoa học công nghệ - Động lực phát triển bền vững ngành Công nghiệp Vật liệu xây dựng Việt Nam” do Hội Vật liệu Xây dựng Việt Nam tổ chức đã diễn ra tại Hà Nội dưới sự bảo trợ của Bộ Xây dựng. Đây là một trong chuỗi những sự kiện quan trọng chào mừng 30 năm ngày thành lập Hội Vật liệu Xây dựng Việt Nam. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng đến dự và phát biểu tại Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có các đại biểu đến từ các Bộ, ngành, các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, các viện nghiên cứu, các trường đại học và các Hội, Hiệp hội chuyên ngành, các chuyên gia và doanh nghiệp trong nước và nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực tư vấn thiết kế, xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng.

Phát biểu chào mừng Hội thảo, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Lê Quang Hùng bày tỏ sự ủng hộ và hoan nghênh Hội thảo “Khoa học công nghệ - Động lực phát triển bền vững ngành Công nghiệp Vật liệu xây dựng Việt Nam”. Đồng thời mong muốn qua cuộc Hội thảo này, các chuyên gia, các nhà khoa học sẽ chia sẻ những thông tin cập nhật về các nghiên cứu phát triển vật liệu xây dựng (VLXD) có các tính năng kỹ thuật cao, thân thiện và bền vững với môi trường và đồng thời cũng giới thiệu các thiết bị và công nghệ tiên tiến trong khai thác và sản xuất VLXD đạt hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

Thứ trưởng Lê Quang Hùng cũng bày tỏ hy vọng, các thông tin được chia sẻ trong Hội thảo sẽ bổ ích và thiết thực cho các cơ quan quản lý cũng như các doanh nghiệp sản xuất VLXD của Việt Nam, góp phần phát triển ngành công nghiệp VLXD đáp ứng yêu cầu xây dựng đất nước thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa,



Thứ trưởng Lê Quang Hùng phát biểu tại Hội thảo

phù hợp với chiến lược phát triển KHCN tới năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Phát biểu khái quát về ngành VLXD Việt Nam hiện nay, Chủ tịch Hội VLXD Việt Nam – TS. Trần Văn Huỳnh nhận định, trong 30 năm qua, ngành VLXD đã được nhiều thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài tham gia đầu tư phát triển, tạo ra diện mạo mới: VLXD đa dạng về chủng loại, tốt về chất lượng, giá cả cạnh tranh, nhiều về số lượng, không những đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn xuất khẩu ra nhiều nước trên thế giới, với kim ngạch xuất khẩu đạt 1,35 tỷ USD năm 2013. Các sản phẩm vật liệu xây dựng chủ yếu như xi măng, gạch ốp lát, sứ vệ sinh, kính xây dựng được sản xuất trên các dây chuyền công nghệ tiên tiến của thế giới.

Ngành sản xuất VLXD là ngành tiêu thụ nhiều tài nguyên tự nhiên, năng lượng. Trong bối cảnh hiện nay, theo xu thế phát triển bền vững, vấn đề tái chế, tái sử dụng phế thải, tăng cường hiệu suất và tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, cải thiện các đặc tính kỹ thuật, nâng cao độ bền sản phẩm VLXD, tạo ra các sản phẩm VLXD xanh... được sự quan tâm rất lớn của các nhà quản lý và các doanh nghiệp sản





Chủ tịch Hội VLXD Trần Văn Huỳnh báo cáo tham luận tại Hội thảo

xuất VLXD, đồng thời cho thấy vai trò hết sức

quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực VLXD.

Tại Hội thảo này, các chuyên gia và các doanh nghiệp quốc tế đã chia sẻ những kinh nghiệm và thông tin về giải pháp máy nghiền clinker tiết kiệm năng lượng; tận dụng nhiệt thừa để phát điện trong nhà máy xi măng; sử dụng vật liệu xây không nung AAC; kỹ thuật thi công tường nhẹ; sản xuất gạch ốp lát ceramic tấm lớn; hệ thống xử lý chất thải sinh hoạt đô thị để phát điện; kính low-e tiết kiệm năng lượng...

Minh Tuấn

## Hội nghị thẩm định Quy hoạch chung Khu kinh tế Cửa khẩu An Giang - tỉnh An Giang đến năm 2030

Ngày 21/10/2014, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị thẩm định Quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu An Giang - tỉnh An Giang. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh, Chủ tịch Hội đồng thẩm định, chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có các thành viên của Hội đồng thẩm định gồm đại diện các Bộ, ngành Trung ương, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành; về phía địa phương có Phó Chủ tịch UBND tỉnh An Giang Võ Anh Kiệt; lãnh đạo Sở Xây dựng và đại diện Ban Quản lý Khu kinh tế (KKT) cửa khẩu An Giang.

Tại Hội nghị, ông Trần Ngọc Bình - Phó Viện trưởng Viện Quy hoạch Xây dựng Miền Nam - Đơn vị tư vấn lập quy hoạch - đã báo cáo tóm tắt những nội dung chính của Đồ án.

Theo báo cáo của tư vấn, An Giang là một trong 04 tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), với hơn 70% diện tích tự nhiên thuộc vùng tứ giác Long Xuyên, là tỉnh có nguồn tài nguyên đất đai dồi dào. An Giang là một trong những đầu mối giao thông quan trọng của toàn vùng ĐBSCL có các tuyến đường cao tốc, đường quốc lộ, đường liên tỉnh, tuyến đường thủy quốc gia, sân



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị thẩm định

bay Long Xuyên. Bên cạnh đó, là tỉnh có đường biên giới chung với Campuchia dài 98 km, với 05 cửa khẩu được phép thông quan hàng hóa, trong đó có 02 cửa khẩu quốc tế. An Giang xứng đáng là cửa ngõ và là trung tâm giao thương với các nước ASEAN cả bằng đường thủy và đường bộ. Ngay từ năm 2001, tỉnh An Giang đã xác định, phát triển kinh tế cửa khẩu là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh. Theo các số liệu thống kê, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trong năm 2010 của An Giang đạt 939,8 triệu USD - chiếm tới 70% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của 10 tỉnh có đường

biên giới với Campuchia.

KKT Cửa khẩu An Giang được thành lập năm 2007. Quy chế hoạt động của KKT Cửa khẩu, bao gồm khu vực Cửa khẩu Vĩnh Xương, Cửa khẩu Khánh Bình và Cửa khẩu Tịnh Biên đã được ban hành theo Quyết định số 65/2007/QĐ-TTg ngày 11/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Trong bối cảnh phát triển thực tế của khu vực, để có một chính sách phát triển đồng bộ cho cả 03 Cửa khẩu trên địa bàn tỉnh, việc hình thành KKT Cửa khẩu An Giang và phát triển thành một KKT năng động, hiệu quả là một yêu cầu tất yếu khách quan, đồng thời là một bước hiện thực hóa Đề án “Quy hoạch phát triển các KKT Cửa khẩu Việt Nam đến năm 2020” đã được Thủ tướng phê duyệt tại Quyết định số 52/2008/QĐ-TTg, trong đó nêu rõ: “Đến năm 2020, toàn quốc sẽ xây dựng 30 KKT Cửa khẩu. KKT Cửa khẩu An Giang được định hướng trở thành khu vực trọng điểm kinh tế, đầu tàu trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội, giữ vững an ninh, chính trị trên biên giới Việt Nam - Campuchia”.

Từ những phân tích cụ thể về hiện trạng kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đánh giá tổng hợp (SWOT) các thế mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của vùng; xem xét sự phát triển của khu vực trong bối cảnh phát triển của các vùng lân cận như vùng Tp. Hồ Chí Minh, vùng ĐBSCL, vùng biên giới Việt Nam - Campuchia..., trong Đề án, đơn vị tư vấn đã đưa ra các dự báo phát triển, định hướng phát triển không gian, mô hình phát triển, mô hình hoạt động trong KKT Cửa khẩu cho cả ba cửa khẩu Vĩnh Xương, Khánh Bình và Tịnh Biên, nhằm các mục tiêu phát triển chiến lược: xây dựng cấu trúc KKT Cửa khẩu An Giang với khung giao thông gồm đường bộ và đường thủy gắn kết các khu chức năng với nhau và với vùng; hình thành khu quản lý và kiểm soát cửa khẩu, đảm bảo quản lý và khai thác tốt lợi thế về cửa khẩu, đồng thời bảo đảm an ninh quốc phòng; hình thành khu phi thuế quan gồm



*Phó Chủ tịch UBND tỉnh An Giang Võ Anh Kiệt phát biểu tại Hội nghị*

công nghiệp, thương mại dịch vụ tại 02 cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên và Vĩnh Xương, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi; phát triển chuỗi đô thị trong KKT Cửa khẩu An Giang, phát huy đặc trưng riêng các đô thị cửa khẩu; hình thành trung tâm du lịch sinh thái KKT Cửa khẩu có sức thu hút, mang nét đặc trưng riêng của vùng sông nước ĐBSCL (Rừng Tràm Trà Sư, khu di tích Bảy Núi, khu di tích Óc Eo, chùa Bà Châu Đốc), đồng thời liên kết chặt chẽ với hệ thống du lịch của toàn tỉnh và vùng ĐBSCL.

Nhận xét về Đề án, các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều nhận định: Đề án được nghiên cứu rất nghiêm túc, công phu, các phương pháp thực hiện bài bản và khoa học. Để UBND tỉnh An Giang, đơn vị tư vấn và Ban quản lý KKT cửa khẩu An Giang có cơ sở hoàn thiện Đề án, Hội đồng đã đóng góp một số ý kiến thiết thực như: rà soát và cập nhật các số liệu và văn bản pháp lý (do thời gian từ khi Nhiệm vụ Quy hoạch chung được phê duyệt tới nay đã hơn 4 năm); rà soát lại các chỉ tiêu kinh tế - xã hội; phân tích rộng hơn yếu tố cạnh tranh, chú ý định tính chứ không chỉ định lượng trong các phân tích so sánh. Đặc biệt, Đề án cần tập trung làm bật lên thế mạnh của tỉnh An Giang và của KKT Cửa khẩu là kinh tế biên giới kết hợp với tiềm năng du lịch. Liên quan tới phạm vi, ranh giới, quy mô KKT, do đã có thay đổi so với Nhiệm vụ được phê duyệt - cụ thể ở khu vực Cửa khẩu Vĩnh Xương và Khánh Bình -

Hội đồng cũng đề nghị tư vấn giải trình rõ vấn đề này.

Thay mặt Chính quyền và nhân dân địa phương, Phó Chủ tịch UBND tỉnh An Giang Võ Anh Kiệt trân trọng ghi nhận các ý kiến đóng góp của Hội đồng, và nhấn mạnh: đây chính là cơ sở vững chắc để UBND tỉnh xác định kế hoạch quản lý và tập trung mọi nguồn lực triển khai thực hiện thành công quy hoạch.

Kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh nhận xét: các ý kiến của các Bộ Ngành liên quan trong cuộc họp rất cụ thể, bám sát tính chất đặc thù của tỉnh An Giang - địa bàn tập trung rất nhiều cửa khẩu. Các ý kiến của Hội đồng đều thể hiện tâm huyết và trách

nhiệm của những người làm công tác quy hoạch đối với sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của An Giang, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, bảo vệ an ninh quốc phòng vùng biên giới Tây Nam của Tổ quốc, nâng tầm quan hệ thương mại Việt Nam - Campuchia. Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh cũng lưu ý UBND tỉnh An Giang cần tiếp tục quan tâm, chỉ đạo sát sao, tạo điều kiện để Ban Quản lý KKT phối hợp với đơn vị tư vấn nghiên cứu kỹ các kiến nghị, đề xuất, bổ sung hoàn thiện Đồ án để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong thời gian sớm nhất.

Lệ Minh

## Hội nghị thẩm định Quy hoạch chung Khu kinh tế Cửa khẩu Long An - tỉnh Long An đến năm 2030

Ngày 23/10/2014, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đã chủ trì Hội nghị thẩm định Quy hoạch chung Khu kinh tế (KKT) cửa khẩu Long An - tỉnh Long An đến năm 2030. Hội nghị có sự tham gia của đông đủ các thành viên Hội đồng thẩm định đến từ các Bộ ngành TW; các Hội, Hiệp hội chuyên ngành. Lãnh đạo Sở Xây dựng tỉnh Long An; đại diện Ban Quản lý KKT Cửa khẩu Long An; đại diện tư vấn (Trung tâm chuyển giao công nghệ quy hoạch xây dựng - Viện Quy hoạch Đô thị & Nông thôn Quốc gia - Bộ Xây dựng) cùng tham dự Hội nghị.

Báo cáo khái quát về KKT Cửa khẩu Long An, đại diện đơn vị tư vấn cho biết: KKT Cửa khẩu Long An, tỉnh Long An được thành lập theo Quyết định 07/2010/QĐ-TTg ngày 25/1/2010 của Thủ tướng Chính phủ. KKT có diện tích tự nhiên hơn 13 nghìn ha, với 01 Cửa khẩu quốc tế Bình Hiệp và 01 Cửa khẩu phụ Long Khốt. Đây là một đầu mối vận tải và là một trạm trung chuyển hàng hóa bằng đường thủy (sông Vàm Cỏ Tây) và đường bộ (Quốc lộ 62, Quốc lộ N1, tỉnh lộ 831, 831c) giữa



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị thẩm định

Campuchia - Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng ĐBSCL. Với vẻ đẹp đặc thù vùng Đồng Tháp Mười, sự đan xen văn hóa của các dân tộc Việt - Chăm - Khme, với những di tích cách mạng - lịch sử, các di tích văn hóa kiến trúc cổ, làng nghề cùng tài nguyên văn hóa phi vật thể khá phong phú, văn hóa ẩm thực đặc sắc, tiềm năng phát triển du lịch - đặc biệt du lịch nông nghiệp sinh thái của tỉnh Long An là rất lớn.

Qua hơn 4 năm thành lập, KKT Cửa khẩu Long An đã đóng góp không nhỏ cho phát triển kinh tế của tỉnh Long An và vùng ĐBSCL, với

nguồn thu ngân sách không ngừng tăng. Việc đầu tư các công trình hạ tầng đã cải thiện điều kiện sống cho người dân trong vùng, thu hút nhiều doanh nghiệp thương mại hoạt động buôn bán qua cửa khẩu. Theo số liệu thống kê, kim ngạch xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Bình Hiệp năm 2012 đạt 10,148 triệu USD, tổng thu ngân sách nhà nước 11 tỷ đồng. Để phát huy mọi tiềm năng thế mạnh của KKT trong sự nghiệp phát triển kinh tế vùng phía Tây cho tỉnh Long An, phát huy vị thế đầu mối giao thương quan trọng của tỉnh Long An với Campuchia, đồng thời tạo sự đồng bộ, thống nhất về không gian phát triển, tạo điều kiện tối ưu cho hoạt động đầu tư xây dựng vào KKT, việc lập Quy hoạch chung xây dựng KKT Cửa khẩu Long An rất cần thiết. Đây cũng là bước hiện thực hóa Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 7/1/2013 của Thủ tướng về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng KKT Cửa khẩu Long An đến năm 2030.

Đồ án đã được tư vấn thực hiện trên cơ sở nghiên cứu tài liệu, số liệu thu thập, kết hợp khảo sát hiện trạng và đánh giá chi tiết những yếu tố liên quan. Trong Đồ án, tư vấn đã xác lập rõ vị thế, vai trò của KKT trong tương quan phát triển vùng ĐBSCL, vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) phía Nam và các tỉnh Campuchia (Pray Veng và Svay Rieng). Quy hoạch cũng đề xuất quy mô, ranh giới, tính chất các khu vực xây dựng với tính khả thi cao nhằm đẩy mạnh quá trình đô thị hóa (với hạt nhân là thị xã Kiến Tường theo lộ trình sẽ trở thành đô thị loại III năm 2020). Quy hoạch đã đề xuất phương án tổ chức hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phù hợp với điều kiện địa hình, dân cư và các kịch bản phát triển kinh tế. Với các định hướng phát triển như tư vấn đề ra trong Đồ án, KKT Cửa khẩu Long An sẽ trở thành cầu nối mở rộng giao thương Việt Nam - Campuchia, một trong những điểm sáng về quan hệ kinh tế đối ngoại quốc tế giữa Việt Nam - Campuchia; đồng thời là một cực tăng trưởng quan trọng

của vùng biên giới Tây Bắc tỉnh Long An.

Nhận xét về Đồ án, các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều cho rằng, Đồ án được thực hiện rất công phu, phương pháp thực hiện khoa học thể hiện chuyên môn cao của đơn vị tư vấn. Hội đồng cũng tích cực thảo luận và cho ý kiến tư vấn nên nghiên cứu kỹ hơn mối quan hệ vùng, quan hệ với các địa bàn kinh tế đối trọng của Campuchia, xây dựng sơ đồ tác động của KKT đối với toàn tỉnh và toàn vùng; cập nhật các căn cứ pháp lý liên quan tới quy hoạch hạ tầng giao thông; làm rõ hơn vai trò đầu mối giao thông trong 05 hành lang chính vùng KTTĐ phía Nam. Một số kiến nghị về hình thức trình bày, biểu bảng cũng được Hội đồng nêu ra để tư vấn có cơ sở hoàn chỉnh Đồ án.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh hoàn toàn đồng tình với các ý kiến góp ý của Hội đồng, biểu dương đơn vị tư vấn đã làm tốt phần đánh giá hiện trạng trong báo cáo thuyết minh Đồ án, bám sát các đặc điểm tự nhiên và kinh tế - xã hội của khu vực. Về định hướng phát triển KKT trong tương lai, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh lưu ý: Long An không thuộc 8 KKT được ưu tiên đầu tư, nên quá trình phát triển sẽ gặp nhiều thách thức. Do đó, tuy các giải pháp tư vấn đưa ra khá phù hợp, song cần nghiên cứu thêm, có các luận cứ để nâng cao tính khả thi cho Đồ án. Bên cạnh đó, tư vấn cũng cần chú trọng đặc thù địa bàn có tới hơn 80% đất nông nghiệp, trong đó 94% là đất trồng lúa, để Đồ án vừa phù hợp với sự phát triển của một KKT, vừa thể hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đề nghị UBND tỉnh Long An chỉ đạo Ban Quản lý KKT và đơn vị tư vấn hoàn thiện Đồ án theo ý kiến đóng góp của Hội đồng, sớm trình Bộ Xây dựng để Bộ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**Lệ Minh**

## **Nghiệm thu 03 dự thảo tiêu chuẩn: (MS: TC 41- 2013), (MS: TC 42- 13) và (MS: TC 43- 2013)**

Ngày 24/10/2014, tại Hà Nội, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu 03 dự thảo tiêu chuẩn: “Xi măng, thuật ngữ và định nghĩa; Xi măng - phân loại; Phụ gia khoáng cho xi măng” do ThS. Nguyễn Kiên Cường, ThS. Trần Thanh Quang và ThS. Hà Văn Lân thuộc Viện Vật liệu Xây dựng làm chủ nhiệm. ThS. Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng, Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo báo cáo của các chủ nhiệm dự thảo, 03 tiêu chuẩn này đều được ban hành trên dưới 10 năm và chưa được soát xét lại, trong khi đó, nhiều tiêu chuẩn về xi măng và sản phẩm có liên quan ở nước ngoài và Việt Nam đã được soát xét lại và có một số thay đổi. Bên cạnh đó, có những sản phẩm xi măng mới được nghiên cứu sử dụng đã ra đời đi kèm các tiêu chuẩn kỹ thuật cần được cập nhật. Vì vậy, việc soát xét lại các tiêu chuẩn này bao gồm chỉnh sửa, lược bỏ cho phù hợp và bổ sung các thuật ngữ mới do có các sản phẩm mới là cần thiết để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, sản xuất và quản lý cho giai đoạn hiện nay.

Đối với dự thảo tiêu chuẩn “Xi măng, thuật ngữ và định nghĩa”, việc soát xét chủ yếu dựa vào các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành về xi măng, có tham khảo các tiêu chuẩn của thế giới, chủ yếu là Mỹ và Âu Châu. Số thuật ngữ được soát xét là 59, bỏ và sửa một số thuật ngữ. Các định nghĩa có chỉnh sửa lại cho rõ và gọn, tiếng Anh của một số thuật ngữ được chỉnh sửa lại. Có 17 thuật ngữ được bổ sung kèm theo định nghĩa mới, do có các tiêu chuẩn, sản phẩm và phương pháp thử mới ra đời và nhu cầu thực tế. Các bổ sung này được chèn vào dự thảo tiêu chuẩn soát xét được sắp xếp theo thứ tự a,b,c,d... Dự thảo đã nâng tổng số thuật ngữ và định nghĩa của tiêu chuẩn này từ 59 lên 75.

Đối với dự thảo tiêu chuẩn “Xi măng- phân



*Toàn cảnh buổi họp nghiệm thu 3 Tiêu chuẩn*

loại”, tiêu chuẩn này gồm 4 phần: phạm vi áp dụng, tài liệu viện dẫn, cơ sở phân loại, ký hiệu quy ước. So với TCVN 5439-2004 dự thảo này tách mục “phân loại và ký hiệu quy ước” thành 2 mục riêng biệt là “phân loại” và “ký hiệu quy ước”, đồng thời đề nghị giữ nguyên tên tiêu chuẩn như cũ, vì với tên gọi này, tiêu chuẩn đã phản ánh được đầy đủ nội dung của dự án là sự phân loại xi măng và tên gọi tiêu chuẩn cũng phù hợp với hệ thống tiêu chuẩn hiện hành. Qua tham khảo cách phân loại xi măng của các nước, mỗi nước có một cách phân loại riêng phù hợp với thực tế sử dụng và sản xuất của nước mình. Ở Việt Nam các tiêu chuẩn yêu cầu kỹ thuật tồn tại riêng rẽ, do đó tiêu chuẩn phân loại chỉ đưa ra cách phân loại và ký hiệu đối với mỗi loại xi măng mà không bao gồm các chỉ tiêu kỹ thuật. Với tình hình thực tế của Việt Nam và để hội nhập với tiêu chuẩn phân loại xi măng trên thế giới, đề tài dựa trên các tài liệu, tiêu chuẩn trên để soát xét bổ sung, hoàn thiện tiêu chuẩn phân loại xi măng TCVN 5439:2004. Đề tài dự kiến xi măng được phân loại theo 5 cơ sở là: theo loại và thành phần clanhke; theo mác xi măng; theo tốc độ đóng rắn; theo thời gian đông kết; theo lĩnh vực sử dụng. Một số loại xi măng đã được phân loại trong phiên bản 2004 nhưng trong thực tế không có nước nào sản

xuất hay sử dụng như “xi măng dự ứng lực” nên cũng được lược bỏ khỏi tiêu chuẩn.

Đối với dự thảo tiêu chuẩn “Phụ gia khoáng cho xi măng”, trong hơn 10 năm áp dụng tiêu chuẩn TCVN 6882:2001 phụ gia khoáng cho xi măng đến nay có một số vấn đề cần thay đổi, phương pháp soát xét tiêu chuẩn dựa trên thực tế sử dụng phụ gia, tham khảo cách sử dụng phụ gia cho xi măng trong các tiêu chuẩn ASTM, BS, JIS..., các kết quả nghiên cứu đề tài tại Viện. Theo nội dung soát xét trong tiêu chuẩn mới này, cách trình bày sẽ theo yêu cầu trình bày tiêu chuẩn trong TCVN 1-2:2008; phạm vi áp dụng là cho phụ gia khoáng dùng để sản xuất xi măng; yêu cầu kỹ thuật chung trong tiêu chuẩn soát xét quy định độ mịn còn lại trên sàng là 0,045 mm, chỉ số hoạt tính cường độ là 7 ngày và 28 ngày, bỏ hàm lượng SO<sub>3</sub>; về phương pháp thử sẽ giữ nguyên phương pháp thử cũ, bổ sung các phương pháp thử mới để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

Các thành viên trong Hội đồng đã đánh giá cao kết quả mà các chủ nhiệm dự thảo thực

hiện. Tuy nhiên, cả 03 dự thảo cần chỉnh sửa lại lỗi chính tả, thống nhất cách sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành và chỉnh sửa lại cách trình bày theo đúng quy định.

Phát biểu kết luận, ThS. Trần Đình Thái - Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu đã nhất trí với các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng và đề nghị các chủ nhiệm tiếp thu và chỉnh sửa. Đối với tiêu chuẩn “Xi măng - phân loại” cần bổ sung thêm tiêu chí đánh giá thời gian đông kết của xi măng; Đối với tiêu chuẩn “Xi măng - thuật ngữ và định nghĩa” cần bổ sung thêm các thuật ngữ và định nghĩa về Puzolan, xỉ lò cao, phụ gia trắng, thủy hóa xi măng và xi măng poóc lăng tro bay; Đối với tiêu chuẩn “Phụ gia khoáng cho xi măng” vẫn giữ nguyên tên dự thảo và cần làm rõ thêm khái niệm về nước sạch.

Với kết quả đạt được, 03 dự thảo tiêu chuẩn đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và xếp loại Khá.

Bích Ngọc

## Thủy tinh bọt - Sự quay trở lại thị trường xây dựng Nga

Thủy tinh bọt là loại vật liệu xốp cách nhiệt được hình thành trong quá trình thiêu kết thủy tinh nghiền mịn và khí. Sự hình thành thủy tinh bọt tương tự như các bọt xà bông cứng. Các bọt xốp có hình thù đặc trưng và có kích thước micron (mkm).

Với các bọt xốp có kích thước trung bình 2 mkm, bề dày các tấm bọt xốp có thể dao động trong phạm vi từ 20 - 100 mkm. Màu sắc vật liệu từ màu kem sáng tới màu đen (thông thường là màu xám lục). Tùy vào thành phần thủy tinh và chất tạp, vật liệu có thể có các màu sắc khác. Giống như tất cả các loại vật liệu từ thủy tinh khác, thủy tinh bọt không hòa tan trong nước, bền với tác động của đa số axit, và có tính bền nhiệt (chịu được nhiệt độ cao). Đặc tính nổi bật của thủy tinh bọt khi so sánh với các

loại vật liệu cách nhiệt truyền thống là cường độ cao, tính truyền nhiệt thấp, rất thuận tiện trong thi công, tính an toàn sinh thái và tuổi thọ cao. Các đặc điểm trên một lần nữa chứng minh rằng đây là loại vật liệu khó cạnh tranh trên thị trường xây dựng thế giới.

Thủy tinh bọt là vật liệu cách nhiệt vô cơ, được sản sinh từ quá trình xử lý nhiệt tới 700 - 800°C. Ngưỡng bền cháy tính theo sự mất khả năng cách nhiệt (với độ dày các tấm xốp thủy tinh bọt là 40, 80 và 100 mm) tương ứng sẽ là 30, 45 và 60 phút. Như vậy, thủy tinh bọt có thể giúp giảm đáng kể sự cố hỏa hoạn cũng như các thiệt hại nếu có hỏa hoạn tại các tòa nhà/công trình có sử dụng vật liệu này.

Thủy tinh bọt xuất hiện đã lâu, tuy nhiên việc sản xuất cũng trải qua nhiều biến động.

Năm 1932, tại Hội nghị toàn Liên bang về vấn đề tiêu chuẩn hóa và sản xuất các vật liệu mới (tổ chức tại Moskva - Liên Xô), lần đầu tiên trên thế giới, Viện sỹ người Nga I. Kitaigorodski đã nhắc tới thủy tinh bọt như một loại vật liệu xây dựng. Thời gian này, những nguyên tắc về mặt lý thuyết trong công nghệ sản xuất loại vật liệu mới đã được xây dựng. Liên Xô là một trong những quốc gia đi tiên phong trong nghiên cứu công nghệ chế tạo thủy tinh bọt, với 04 nhà máy sản xuất hoạt động khá hiệu quả. Nhưng bước sang đầu thế kỷ XXI, công nghệ này của Nga đã bị mai một. Một số quốc gia châu Á như Nhật (từ giữa thập kỷ 60 thế kỷ XX) và Trung Quốc (đầu thập kỷ 1980) đã nhanh chóng nắm bắt công nghệ sản xuất, và tới nay đã sở hữu các dây chuyền sản xuất thủy tinh bọt của riêng mình. Ở thời điểm hiện tại, trên thế giới chỉ có 04 nước là Mỹ, Nhật, Trung Quốc và Belarus sở hữu công nghệ này. Nước Nga hiện nay đang thực hiện rất nhiều dự án đầu tư tổ chức sản xuất thủy tinh bọt, lấy lại vị thế trước kia của mình trên thị trường vật liệu xây dựng.

Thủy tinh bọt đã gây sự chú ý lớn khi các nghiên cứu thử nghiệm được tiến hành đồng thời bởi nhiều nhóm chuyên gia và các nhà khoa học của nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới. Năm 1936, tại London (Anh Quốc), trong Hội nghị quốc tế lần thứ 2 về kính xây dựng, Giáo sư B. Long với bài thuyết trình giới thiệu các kết quả nghiên cứu của Tập đoàn kính Saint Gobain của Pháp đã đưa ra những mẫu sản phẩm mới. Tới cuối thế kỷ XX, Đức, Tiệp Khắc và Ba Lan đã mất thị trường vào tay nhà sản xuất thủy tinh bọt hàng đầu thế giới - Tập đoàn Pilstburg Corning của Mỹ với các dây chuyền sản xuất lớn tại Bỉ. Hiện nay, tại các quốc gia này, các trung tâm phân phối sản phẩm nhập khẩu của Tập đoàn đều đang hoạt động mạnh mẽ.

### **Công nghệ và các đặc điểm công nghệ**

Nhờ cấu trúc tổ ong và các đặc tính của mình, thủy tinh bọt là loại vật liệu rắn. Ngưỡng

cường độ nén phụ thuộc vào khối lượng riêng của vật liệu và dao động trong phạm vi 0,5 - 7,5 MPa. Ngoài ra, thủy tinh bọt dễ tạo hình, do đó cho phép tạo các sản phẩm hình thức khác nhau. Hệ số bền nước của thủy tinh bọt bằng 0,95 - phù hợp với các tính chất của đá granit.

Tính bền của thủy tinh bọt thích hợp trong mọi môi trường, kể cả môi trường kiềm mạnh và axit. Tính bền của vật liệu cùng với đặc tính cứng, nhẹ và không bắt lửa khiến thủy tinh bọt là vật liệu cách nhiệt không thể thay thế trong môi trường xâm thực.

Tính an toàn sinh thái của thủy tinh bọt cho phép sử dụng rộng rãi loại vật liệu này trong công nghiệp thực phẩm và dược phẩm. Ngay quá trình sản xuất thủy tinh bọt đã cho thấy xu hướng sinh thái rõ rệt. Bởi trong quá trình này, các phế phẩm kính cũng như chất thải công nghiệp sản xuất kính được tận dụng triệt để; và việc ứng dụng thủy tinh bọt tạo điều kiện loại bỏ các vật liệu cách nhiệt có nguy cơ cao về mặt sinh thái, ví dụ như các vật liệu có amiăng trong thành phần.

Hiện nay, thủy tinh bọt được sản xuất dưới các dạng khối và hạt thủy tinh bọt, với các công nghệ sản xuất khác biệt cho từng loại, và nguyên liệu chủ yếu là phế phẩm của ngành sản xuất kính. Hiện nay, lượng phế thải này tại các thành phố lớn của Nga rất đáng kể; Trong bối cảnh đó, sự quay trở lại của công nghệ sản xuất thủy tinh bọt là giải pháp hữu hiệu cho bài toán phế liệu, đồng thời là bước khôi phục và phát triển loại vật liệu cách nhiệt đạt hiệu quả cao, tuổi thọ lâu bền mà không gây ảnh hưởng tới nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Trên thị trường xây dựng của Nga hiện có 3 nhóm vật liệu cách nhiệt: các tấm vô cơ cốt sợi; polyme xốp và các tấm cách nhiệt vô cơ. Thủy tinh bọt là nhóm vật liệu mới, bởi đạt cường độ cao ở khối lượng nhỏ, có thể sử dụng với tính chất là vật liệu chống thấm, cách nhiệt và trang trí khi ốp mặt tiền các tòa nhà/ công trình. Thi công vật liệu này cũng đơn giản hơn do không

cần kẹp siết chặt; vì cấu tạo bề mặt bên ngoài của thủy tinh bột dễ khớp dính bằng matit và vữa xi măng, dễ thi công trát lót. Khối lượng nhỏ của vật liệu giúp giảm tải trọng lên móng nhà - điều này rất có ý nghĩa không chỉ về mặt kinh tế của công trình, mà còn góp phần giảm mức độ hư hỏng của các công trình tại những khu vực có nguy cơ động đất.

Đây là loại vật liệu tổng hợp, có tính cách âm, cách nhiệt tốt, với thành phần là các hạt có dạng hình cầu chuẩn, màu đen hoặc xám, được hình thành từ các hạt sỏi của phối liệu (vụn thủy tinh nghiền mịn và một số phụ gia đặc biệt). Các hạt không thấm nước, hoặc chỉ thấm rất ít (khoảng 2%) - tùy vào thành phần phối liệu cũng như công nghệ. Các nguyên tắc sản xuất cơ bản, tính năng công nghệ chế tạo thủy tinh bột của Liên Xô trước đây đã được quy định trong một số văn bản quy phạm. Công nghệ tạo bột truyền thống như sau: kính natri canxi silicat được nghiền mịn đạt kích thước hạt xấp xỉ 80mkm trộn với chất tạo bột hoặc một số loại cacbonate; rồi hỗn hợp được đổ vào các khuôn thép chịu nhiệt, thiêu kết ở nhiệt độ cao 750 - 850<sup>0</sup>C. Ở mức nhiệt này, các hạt thủy tinh kết dính chắc chắn, song trong sản phẩm vẫn tồn tại lượng khí thổi nhất định, nên chế phẩm vẫn có độ nhớt, độ dẻo. Chế phẩm được đưa đi làm lạnh, ủ, và cắt theo hình dạng sản phẩm mong muốn. Công nghệ truyền thống đã bị mai một khi Liên Xô tan rã, bởi công nghệ trở nên lỗi thời, hơn nữa, chi phí sản xuất quá cao. Công nghệ tạo bột thủy tinh hiện nay tại một số quốc gia tiên tiến trên thế giới đã phát huy tối đa tính cách âm cách nhiệt của vật liệu, sức bền có thể đạt 45 kg/cm<sup>2</sup>, ứng dụng rất tốt làm vật liệu xây tường, giảm chi phí vật liệu cách nhiệt cho các tường. Thủy tinh bột đặc biệt được ưa chuộng trong xây dựng các biệt thự, villa với tính năng là vật liệu giữ nhiệt cho tường, móng và sàn nhà. Dạng hạt là một trong những dạng hình học của thủy tinh bột được chế tạo. Các hạt mịn (0,2 - 0,9 mkm) có thể ứng dụng làm vữa trát cách

nhật. Ngoài ra, hạt thủy tinh bột còn có thể sử dụng trong sản xuất bê tông và vữa bê tông.

So với keramzit, cường độ các hạt thủy tinh bột cao gấp 3 - 4 lần, tuổi thọ cao gấp 5 lần. Đây là loại vật liệu không thể thiếu trong ngành xây dựng cầu đường hiện đại. Qua kiểm nghiệm từ nhiều nhà sản xuất, các chỉ số của hạt thủy tinh bột như sau:

- Tỷ trọng 75 - 300 kg/m<sup>3</sup>;
- Nhiệt độ sử dụng từ -250<sup>0</sup>C tới 600<sup>0</sup>C;
- Độ dẫn nhiệt 0,04 - 0,09 w/m <sup>0</sup>C;
- Cường độ nén trong xi lanh 0,6 - 2MPa;
- Thời hạn sử dụng hơn 200 năm;
- Độ thấm thấu tối thiểu bằng 4% trọng lượng thể tích.

Các chỉ số trên đây cho thấy: Thủy tinh bột dạng hạt có thể được sử dụng với tính chất là vật liệu cách nhiệt trong xây dựng các tòa nhà/ công trình, để sản xuất vật liệu cách nhiệt dạng cứng (bê tông xốp tấm lớn với cốt liệu từ hạt thủy tinh bột). Việc ứng dụng hạt thủy tinh bột để sản xuất các bê tông siêu nhẹ dành chế tạo các panel tường một lớp, hoặc xây các tường liền khối trong các cấp pha tháo rời hoặc không tháo rời cũng rất hiệu quả.

### Hỗn hợp nhẹ giữ nhiệt và bê tông

Việc bổ sung thêm các phụ gia khoáng kết dính cho thủy tinh bột sẽ tạo nên các dạng vữa khô, các vữa trát mỏng, bê tông nhẹ với cường độ phù hợp yêu cầu cho các công trình của nhiều ngành công nghiệp, trong đó có công nghiệp dầu lửa và dầu khí.

Bên cạnh các đặc tính cách nhiệt được cải thiện, vật liệu thu được còn có khối lượng nhẹ, nên tiết kiệm các vật liệu của kết cấu cũng như chi phí lao động. Việc ứng dụng các bê tông nhẹ trên cơ sở các cốt liệu xốp sẽ giúp giảm đáng kể khối lượng kết cấu, từ đó giá thành xây dựng cũng giảm xuống.

### Cơ sở cho các sản phẩm nhẹ cách nhiệt nói chung

Việc sử dụng các chất kết dính khác nhau như chất khoáng, các chất hữu cơ... cho phép



chế tạo ra những sản phẩm rời từ thủy tinh bọt, với hình dạng theo yêu cầu. Đặc điểm của các sản phẩm này là tỷ trọng thấp, khối lượng nhỏ, gia công đơn giản, cách âm cách nhiệt tốt. Từ hỗn hợp của cốt liệu nhẹ với các chất kết dính, với phương pháp đổ hoặc ép bán khô, có thể sản xuất các tấm, viên xây, vỏ cứng, các phiến đá trang trí, tượng, bình hoa...

Thủy tinh bọt đã và đang khẳng định vị trí

trên thị trường vật liệu cách âm, cách nhiệt. Việc sản xuất loại vật liệu này đang ngày càng phát triển rộng rãi trên thị trường thế giới.

**Koroviakov V.**

*Nguồn: Tạp chí Quĩ đạo Xây dựng Nga  
tháng 7/2014*

**ND: Lê Minh**

## Mối quan hệ giữa thiết kế nhà cao tầng và không gian đô thị

Quá trình phát triển kinh tế nhanh chóng đã thu hút một lượng lớn dân số chuyển dịch từ nông thôn ra các thành phố và thị trấn để làm việc, kéo theo đó, vấn đề nhà ở tại đô thị đã trở thành mâu thuẫn chủ yếu trong áp lực về dân số. Để đáp ứng sự gia tăng dân số, xây dựng nhà ở cao tầng là một giải pháp của các đô thị và trở thành trọng tâm của quy hoạch đô thị. Tuy nhiên, nhà cao tầng lại tước đoạt quyền được hưởng ánh sáng và luồng gió tự nhiên của một bộ phận lớn người dân, gây ảnh hưởng lớn đến khí hậu của các tiểu khu và các đường con phố, từ đó ảnh hưởng tới thói quen sinh hoạt của người dân. Điều mà tiến bộ xã hội mang lại nên là sự tiện lợi cho người dân, mang đến cho người dân môi trường sống tốt hơn chứ không phải bắt con người phải phục tùng theo. Xử lý hợp lý mối quan hệ giữa công trình với môi trường đô thị và thói quen sinh hoạt của người dân sẽ giúp cho các công trình cao tầng trở thành bộ phận hữu cơ của đô thị đang trong quá trình từng bước khai thác.

### 1. Không gian đô thị và nhà cao tầng

Không gian rất dễ được con người cảm nhận và sử dụng, tuy nhiên nó lại rất khó có thể biểu đạt rõ ràng bằng ngôn ngữ. Chỉ tới thế kỷ XIX, con người mới bắt đầu coi không gian là một khái niệm độc lập để tiến hành thảo luận và vận dụng. Không gian đô thị là nhân tố quan trọng cho cuộc sống con người và cần thiết cho quá



*Ảnh mang tính minh họa*

trình sản xuất, nó cung cấp khả năng cho mọi hoạt động của cư dân. Đây có thể nói là một định nghĩa mang tính khoa học về không gian đô thị. Còn trong bài viết này, không gian đô thị lại cụ thể hơn, hình tượng hơn. Không gian đô thị ở đây chủ yếu chỉ các thực thể bên trong đô thị như công trình xây dựng, đường sá, cây xanh, quảng trường, hệ thống dịch vụ công cộng... và cả không gian lập thể do những thực thể này cấu thành, cũng chính là không gian mà con người sống ở trong đó có thể cảm nhận được một cách chân thực và trực quan.

Nhà cao tầng liệu có hòa hợp với không gian đô thị của nó hay không, một bộ phận tiêu chuẩn đánh giá được quyết định bởi sự cảm nhận của quần chúng, nói một cách đơn giản là cảm nhận về không gian mà con người sống ở nơi đó tạo ra. Cho nên, một nhà thiết kế xây dựng khi tiến hành thiết kế nhà cao tầng cần xem xét kỹ lưỡng cảm nhận của người sử dụng

về không gian mà mình tạo ra (bao gồm không gian bên trong và bên ngoài).

## **2. Thiết kế nhà cao tầng**

### **2.1. Phát huy đầy đủ tác dụng của quảng trường**

Quảng trường, ngoài tác dụng hóa giải áp lực giao thông tại những tuyến phố đông đúc của nhiều nhà cao tầng, còn có tác dụng cực kỳ quan trọng trong không gian đô thị. Không gian quảng trường không những cung cấp một địa điểm vui chơi giải trí thoải mái, yên tĩnh cho người dân mà còn khiến cho đặc trưng của các tòa nhà cao tầng trở nên nổi bật hơn.

### **2.2. Thiết kế nhà cao tầng**

Đối với một đô thị, nhà cao tầng luôn mang tính đại diện và tính tượng trưng nhất định vì chúng có thể phản ánh trình độ phát triển và tình hình kinh tế của đô thị đó. Vì vậy, việc lựa chọn cách tạo hình hợp lý cho nhà cao tầng là hết sức quan trọng. Bộ phận chủ thể của nhà cao tầng là các tòa tháp, hình thức biểu hiện của các tòa tháp có tác dụng quyết định đối với việc tạo hình của công trình cao tầng. Hiện nay trên thế giới, rất nhiều nhà cao tầng có ngoại hình đặc biệt, có sự khác biệt rõ rệt và mang tính đại diện nhất định cho một đô thị. Trong những năm gần đây, sự xuất hiện của vấn đề thiếu thốn tài nguyên đã khiến cả thế giới đưa ra mục tiêu phát triển bền vững, trong khi đó việc xây dựng các nhà cao tầng lại gây lãng phí về mặt năng lượng và môi trường, bởi vậy, khái niệm về công trình “sinh thái” đã xuất hiện. Có thể thấy rằng, một yêu cầu mới trong thiết kế công trình hiện nay chính là thực hiện các công trình “sinh thái, tiết kiệm năng lượng”.

Phần dưới của nhà cao tầng là khối đế. Phần này tuy có ảnh hưởng khá nhỏ đối với chỉnh thể của đô thị xong nó lại có ảnh hưởng quan trọng trong các phương diện như tỷ lệ của các con phố, sự sáng tạo về không gian dành cho con người... Khác với việc thiết kế mặt đứng của kết cấu bên trên, việc thiết kế mặt đứng của khối đế công trình cao tầng cần phải

tiến hành một cách chi tiết bởi vì nó tiếp xúc khá mật thiết với thị giác của công chúng và nó có ảnh hưởng khá lớn tới không gian đường phố.

Phần mái - bộ phận cao nhất của nhà cao tầng đóng vai trò làm tăng cá tính cho hình tượng của toàn bộ công trình. Tuy bộ phận này ít ảnh hưởng tới môi trường sinh thái nhưng lại có tác dụng quan trọng trong việc định hình tính biểu tượng của công trình, làm phong phú đường chân trời của thành phố. Vì vậy, cần căn cứ vào các nhân tố như khối đế, thân công trình... để tiến hành định hình phần mái.

### **2.3. Xử lý khéo léo không gian tầng trệt**

Việc xử lý khéo léo không gian tầng trệt giúp cải thiện lưu lượng người qua lại, cải thiện tình trạng đông đúc về mặt thị giác, liên thông những địa điểm công cộng chính nhằm làm tăng chất lượng không gian đô thị. Không gian tầng trệt được xử lý tốt không những đem lại không gian thoáng đãng, đẹp mắt mà còn tạo ấn tượng tốt cho người qua lại.

## **3. Tính hài hòa giữa thiết kế nhà cao tầng và không gian đô thị**

Khi tiến hành thiết kế nhà cao tầng cần lưu giữ đầy đủ không gian xây dựng cơ sở hạ tầng. Xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng công cộng là cung cấp một môi trường sống tốt đẹp hơn cho người dân. Việc xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng ở mức độ nào đó có khả năng giải tỏa áp lực, tạo niềm vui cho người dân. Vì vậy, khi tiến hành thiết kế nhà cao tầng, các kiến trúc sư cần có sự quy hoạch chỉnh thể, vừa phải tạo ra sự hài hòa với môi trường xung quanh, vừa phải có mỹ quan, cá tính và thực dụng.

Hiện tại, quan điểm thiết kế của các kiến trúc sư đang hướng đến sinh thái và tiết kiệm. Cùng với sự phát triển của ngành công nghiệp, môi trường và tài nguyên thiên nhiên đang bị đe dọa, công tác bảo vệ môi trường sinh thái dần dần được đưa lên hàng đầu. Khi thiết kế nhà cao tầng, các kiến trúc sư đã bắt đầu theo xu hướng thiết kế “bảo vệ môi trường” hay “sinh thái”. Đây cũng là cách mà họ hưởng ứng

những sách lược quan trọng của quốc gia về phát triển bền vững. Thiết kế nhà cao tầng sinh thái trong điều kiện hiện nay tuy có chi phí cao nhưng đó là xu thế mới về thiết kế nhà cao tầng trong tương lai. Ngoài ý tưởng thiết kế theo kiểu sinh thái, thiết kế theo kiểu tiết kiệm cũng sẽ dần trở nên thịnh hành. Kiểu thiết kế này sẽ loại bỏ những chi tiết phức tạp và thay vào đó là sự giản đơn, hiện đại, cá tính, đem lại sự dễ chịu cho con người.

Tóm lại, thiết kế nhà cao tầng tại đô thị không thể tiến hành xem xét một cách đơn lẻ

mà cần phải liên hệ với các vấn đề có liên quan tới bố cục không gian đô thị. Cần đưa bố cục không gian đô thị và công tác thiết kế nhà cao tầng liên kết lại với nhau để thiết kế nên những phương án có khả năng nâng cao hiệu quả của bố cục không gian đô thị.

**Hồ Vĩnh Mai**

*Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc Trung Quốc, số 18/2014*

**ND: Kim Nhạn**

## **Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng tiếp Ngài Gunther Adler - Quốc Vụ khanh Bộ Môi trường, Bảo tồn thiên nhiên, Xây dựng và An toàn hạt nhân Cộng hòa Liên bang Đức**

Ngày 21/10/2014 tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã tiếp và làm việc với đoàn công tác cấp cao của Cộng hòa Liên bang Đức do Ngài Gunther Adler - Quốc Vụ khanh Bộ Môi trường, Bảo tồn thiên nhiên, Xây dựng và An toàn hạt nhân Cộng hòa Liên bang Đức dẫn đầu, đang có chuyến thăm và làm việc tại Việt Nam.

Tham dự buổi làm việc có bà Jutta Gisela Frasch - Đại sứ Cộng hòa Liên bang (CHLB) Đức tại Việt Nam và đại diện lãnh đạo các cơ quan chức năng của hai Bộ.

Tại buổi tiếp và làm việc, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng bày tỏ vui mừng được đón tiếp Ngài Quốc Vụ khanh, Bà Đại sứ và đoàn công tác của CHLB Đức đến thăm Bộ Xây dựng, đồng thời chúc Ngài Quốc Vụ khanh và đoàn công tác có chuyến thăm và làm việc hiệu quả tại Việt Nam.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng vui mừng trước quan hệ hợp tác thương mại, đầu tư giữa CHLB Đức và Việt Nam ngày càng phát triển. CHLB Đức là một đối tác thương mại, đầu tư lớn của châu Âu đối với Việt Nam, ngày càng có nhiều doanh nghiệp của CHLB Đức có hoạt động đầu tư và làm ăn có hiệu quả tại Việt Nam.

Đánh giá cao sự hỗ trợ của Chính phủ Đức đối với Việt Nam trong nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật đô thị, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho biết, các dự án do CHLB Đức tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật trong lĩnh vực xử lý rác thải, nước thải, cấp thoát nước cho các đô thị vừa miền duyên hải, đào tạo nhân lực ngành nước... có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc cải thiện chất lượng đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị của Việt Nam. Công trình Nhà Quốc hội của Việt Nam vừa được đưa vào vận hành cũng có sự hợp tác hiệu quả của các



*Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng hội đàm với Quốc Vụ khanh Bộ Môi trường CHLB Đức Gunther Adler*

đơn vị tư vấn thiết kế, nhà thầu cung cấp vật tư, thiết bị của CHLB Đức. Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng cho rằng, hoạt động hợp tác giữa hai bên trong các lĩnh vực trong thời gian qua chính là minh chứng, là việc cụ thể hóa những cam kết của lãnh đạo cấp cao của hai nước về việc xây dựng quan hệ đối tác chiến lược giữa hai bên.

Khái quát về chức năng, nhiệm vụ của Bộ Xây dựng Việt Nam, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng nhấn mạnh đến các lĩnh vực trọng tâm của Bộ Xây dựng về đầu tư xây dựng, quản lý và phát triển đô thị, phát triển nhà ở. Để giải quyết những thách thức của quá trình đô thị hóa, trong đó có vấn đề bất cập về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại các đô thị lớn, vấn đề môi trường, nhà ở cho người nghèo ở nông thôn và đô thị, Chính phủ Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc huy động các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn lực của xã hội và sự trợ giúp của quốc tế để từng bước giải quyết, nhằm nâng cao chất lượng đô thị, cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân. Tuy nhiên, Việt Nam đang ở giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa, tiềm lực kinh tế còn hạn chế, nên những kinh nghiệm và sự trợ giúp về vốn, kỹ thuật của các nước phát triển, trong đó

có CHLB Đức, là rất quý báu đối với Việt Nam.

Tại buổi làm việc với Bộ Xây dựng, Quốc vụ khanh Bộ Môi trường CHLB Đức - Ngài Gunther Adler chúc mừng Việt Nam vừa đưa vào sử dụng công trình Nhà Quốc hội - một công trình đẹp, có ý nghĩa chính trị quan trọng và ghi dấu sự hợp tác giữa hai nước, đồng thời bày tỏ cảm ơn sự giúp đỡ của Bộ Xây dựng để dự án Ngôi Nhà Đức tại thành phố Hồ Chí Minh đã hoàn tất các thủ tục để chuẩn bị khởi công xây dựng.

Chia sẻ về những kinh nghiệm của CHLB Đức, Quốc Vụ khanh Gunther Adler cho rằng, những vấn đề khó khăn trong phát triển đô thị của Đức và Việt Nam là giống nhau, mặc dù quy mô và mức độ có thể khác nhau. Quốc Vụ khanh Gunther Adler vui mừng về việc hai Bộ sẽ cùng hợp tác để giải quyết những vấn đề có tính chất tương đồng này. Với lịch sử hàng trăm năm về phát triển đô thị, CHLB Đức sẵn sàng

chia sẻ với Việt Nam những kinh nghiệm để giúp Việt Nam tránh được những sai lầm mà CHLB Đức đã mắc phải trong quá trình phát triển đô thị của mình.

Về vấn đề phát triển nhà ở, đặc biệt là nhà ở xã hội, Quốc Vụ khanh Gunther Adler mong muốn Bộ Xây dựng quan tâm thúc đẩy để việc hợp tác giữa hai bên về thí điểm thực hiện mô hình Ngân hàng Tiết kiệm nhà ở của Đức sẽ sớm trở thành hiện thực.

Tại buổi làm việc, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và Quốc Vụ khanh Gunther Adler đã trao đổi về những kinh nghiệm trong lĩnh vực phát triển các khu đô thị đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm tài nguyên và các cơ chế chính sách phát triển nhà ở xã hội.

Minh Tuấn

## **Lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam (1984 - 2014)**

Ngày 23/10/2014, tại Hà Nội, Hội Vật liệu xây dựng (VLXD) đã long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập, đồng thời tiến hành Đại hội đại biểu Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam lần thứ VI và đón nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Tham dự buổi lễ có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam; Chủ tịch Công đoàn XĐVN Nguyễn Văn Bình; GS.TS Nguyễn Mạnh Kiểm – nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng; TS. Trần Văn Huỳnh - Chủ tịch Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam; ông Trần Ngọc Hùng - Chủ tịch Tổng hội Xây dựng Việt Nam, ông Nguyễn Tấn Vạn - Chủ tịch Hội Kiến trúc sư Việt Nam, cùng các lãnh đạo đại diện văn phòng, Cục, Vụ, Viện trực thuộc Bộ Xây dựng, Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội Vụ, Các Hội, Hiệp Hội chuyên ngành và đông đảo phóng viên đến đưa tin về buổi Lễ.

Theo diễn văn kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam do TS. Trần



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam phát biểu tại buổi Lễ

Văn Huỳnh - Chủ tịch Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam đọc tại buổi Lễ, Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam tiền thân là Phân Hội Vật liệu và cấu kiện xây dựng, thành lập ngày 11/8/1984 theo Quyết định số 395/TWH của TƯ Hội KHKT Việt Nam (nay là Tổng hội Xây dựng Việt Nam). Ngày 30/8/2004 Bộ Nội vụ ra quyết định số

57/2004/QĐ-BNV đổi tên là Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam. Từ ngày thành lập đến nay, Hội VLXD đã trải qua 5 kỳ Đại hội toàn thể và Đại hội đại biểu toàn quốc, hiện nay Hội đã có 100 Hội viên cá nhân và 143 Hội viên tập thể là các TCty, Công ty, Viện nghiên cứu, nhiều đơn vị tổ chức nước ngoài là Hội viên liên kết của Hội. Đồng thời các Hội VLXD địa phương và các Hiệp hội, Chi hội VLXD chuyên ngành đã và đang được thành lập, hoạt động có hiệu quả.

Với tôn chỉ mục đích là tư vấn, phản biện, giám định xã hội; phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực vật liệu xây dựng và các lĩnh vực liên quan, hoạt động của Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam luôn gắn liền với sự phát triển của ngành VLXD nước nhà. Hội VLXD luôn tham gia vào việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, quy phạm kỹ thuật liên quan đến quản lý, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bảo vệ tài nguyên, môi trường; đề xuất các biện pháp kích cầu sản xuất VLXD trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu qua các diễn đàn trong nước và quốc tế; tư vấn đẩy mạnh sản xuất và sử dụng vật liệu xây không nung thay thế một phần gạch đất sét nung. Hội đã thường xuyên cung cấp các thông tin về các thành tựu khoa học công nghệ vật liệu xây dựng đến các Hội viên và cộng đồng để ứng dụng vào thực tế. Với mục đích góp phần đưa ngành công nghiệp VLXD Việt Nam trở thành ngành công nghiệp tiên tiến, hiện đại và phát triển bền vững, Hội đã tích cực triển khai các hoạt động như: Thông tin quảng bá, xuất bản Bản tin “Vật liệu xây dựng đương đại” được nâng cấp thành Tạp chí “Vật liệu xây dựng”; Hội đã đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế, tiếp và làm việc với trên 100 đoàn khách quốc tế đến làm việc về đổi mới công nghệ, phát triển bền vững, vật liệu xây dựng thân thiện môi trường, các giải pháp nhằm giảm thiểu và đối phó với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực VLXD; tổ chức các cuộc hội thảo khoa học quốc tế với sự tham gia của hàng chục chuyên gia nước ngoài



*Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam  
thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ trao tặng  
bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho Hội VLXD  
Việt Nam*

đến từ 20 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. Hội đã hợp tác tích cực đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật để đầu tư phát triển sản xuất với các công nghệ tiên tiến, thiết bị hiện đại như: máy nghiền đứng, máy nghiền Horomill, lò nung hai bệ, dây chuyền công suất 10 nghìn tấn clanhke/ngày, ứng dụng công nghệ nano... Với những hoạt động tích cực của mình, Hội đã góp phần đưa ngành công nghiệp VLXD nước nhà phát triển đáp ứng nhu cầu VLXD cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, từng bước bắt kịp trình độ tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, so với yêu cầu và đối chiếu với tôn chỉ mục đích, tổ chức Hội còn phải cố gắng nhiều hơn nữa mới mong đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của Hội viên và toàn xã hội. Để thực hiện tốt hơn nữa tôn chỉ mục đích của mình, trong thời gian tới, Hội VLXD Việt Nam sẽ không ngừng mở rộng và đổi mới hoạt động, tập hợp ngày càng cao đông đảo lực lượng hoạt động đa lĩnh vực: quản lý, nghiên cứu khoa học, đào tạo, tư vấn thiết kế, đầu tư xây dựng... góp phần phát triển công nghiệp VLXD đúng hướng, nâng cao trình độ công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm, bảo vệ tài nguyên, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm VLXD Việt Nam trên trường quốc tế.



Toàn cảnh buổi Lễ

Phát biểu tại buổi Lễ, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam đánh giá cao sự trưởng và phát triển của Hội VLXD. Được kế thừa từ những cơ sở vật chất nghèo nàn, đến nay ngành vật liệu xây dựng Việt Nam đã có những bước phát triển vượt bậc, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa và công cuộc xây dựng của đất nước. Thứ trưởng cũng cho biết, bên cạnh việc sản xuất xi măng đã được đứng vào hàng Top 10 trên thế giới, ngành công nghiệp sản xuất gốm sứ của Việt Nam cũng vươn lên và trở thành những nhà sản xuất hàng đầu Đông Nam Á về sứ vệ sinh và ceramic. Để

có được những thành quả này là nhờ vào sự chỉ đạo của Đảng và Chính phủ, thông qua những Chương trình, quy hoạch, tạo điều kiện cho môi trường kinh doanh thông thoáng và lành mạnh cho các doanh nghiệp, trong đó, không thể không nói tới vai trò của Hội VLXD Việt Nam. Hội đã đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp, liên kết các hội viên, tích cực trong việc tổ chức các Hội thảo, tham quan, tham vấn, giới thiệu các định hướng, khuynh hướng về công nghệ mới, sản phẩm mới, đặc biệt còn tham gia rất tích cực vào việc xây dựng các Chương trình, quy hoạch, định hướng, thậm chí là các quyết định cụ thể của Thủ tướng Chính phủ. Thay mặt cho Lãnh đạo Bộ, Thứ trưởng chúc mừng những thành tựu, hoạt động và đánh giá cao sự cống hiến hết mình của các thành viên trong Hội VLXD trong những năm qua để có được những thành tựu như hôm nay.

Tại Đại hội tiến hành cùng ngày (23/10), Hội VLXD chính thức thông qua Ban chấp hành mới. Ông Tống Văn Nga được bầu làm Chủ tịch Hội VLXD nhiệm kỳ VI.

Bích Ngọc

## **Những biện pháp lâu dài trong việc thúc đẩy xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị của thành phố Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc**

Trong quá trình thúc đẩy xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và nông thôn, thành phố Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc đã kiên trì quan điểm phát triển bền vững để thực hiện phát triển một cách nhịp nhàng 5 mặt khác nhau đó là kinh tế, xã hội, nhân khẩu, tài nguyên và môi trường, làm cho nền kinh tế - xã hội của Thành Đô phát triển mạnh mẽ và tràn đầy sức sống.

### **1. Quan điểm phát triển bền vững chi phối toàn bộ quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng của đô thị và nông thôn**

Cơ sở hạ tầng là cơ sở và yếu tố cơ bản của

hoạt động kinh tế - xã hội và hoạt động sinh hoạt, sản xuất của người dân ở đô thị và nông thôn. Cơ sở hạ tầng của đô thị thể hiện năng lực phát triển bền vững của đô thị, cơ sở hạ tầng tốt tạo điều kiện để đô thị phát triển bền vững. Cơ sở hạ tầng của đô thị đảm bảo lưu thông thuận lợi sản phẩm và nguyên liệu sản xuất của đô thị, năng lực thông tin truyền tải chính xác, bảo đảm nguồn cung ứng tài nguyên và năng lượng, nâng cao chất lượng đời sống của người dân, duy trì về các mặt an toàn của đô thị...

Phát triển bền vững là một quan điểm phát

triển hoàn toàn mới, nhấn mạnh sự kết hợp nhịp nhàng giữa môi trường và phát triển, cố gắng đạt cho được sự đồng bộ cải thiện về tăng trưởng kinh tế và chất lượng môi trường. Trong quá trình phát triển cần giải quyết tốt các vấn đề về dân số, tài nguyên và môi trường. Chính phủ Trung Quốc đã và đang rất coi trọng chiến lược phát triển bền vững và coi con đường phát triển bền vững như là lựa chọn bắt buộc của chiến lược phát triển quốc gia. Xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị phải lấy quan điểm phát triển bền vững làm tư tưởng chỉ đạo mới có thể làm cho đô thị phát triển lâu bền, nhanh chóng và an toàn. Lịch sử phát triển của các đô thị ở các quốc gia phát triển cho thấy: cơ sở hạ tầng của đô thị là nền tảng phát triển bền vững của đô thị, trong tiến trình đô thị hóa nên đứng ở vị trí tiên phong. Do đó phát triển bền vững cơ sở hạ tầng của đô thị là quan trọng hàng đầu đối với sự phát triển bền vững của quá trình đô thị hóa. Công tác xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị phải kết hợp với việc sử dụng hợp lý và bảo tồn văn hóa lịch sử, bảo vệ môi trường sinh thái và tiết kiệm tài nguyên.

## **2. Phát triển bền vững cơ sở hạ tầng đô thị cần xử lý tốt ba quan hệ**

Theo Báo cáo giám sát đánh giá tổng hợp về đô thị loại hình mới của năm 2012 của thành phố Thành Đô, tỷ lệ đô thị hóa loại hình mới của Thành Đô năm 2012 đạt 60,2%. Tiến trình đô thị hóa loại hình mới phát triển nhanh chóng khiến cơ sở hạ tầng của đô thị phải đối diện với một áp lực tương đối lớn. Trong thời gian Thành Đô xây dựng đô thị hóa loại hình mới phải xử lý tốt những quan hệ trọng điểm sau:

- Quan hệ giữa hiệu quả và lợi ích kinh tế - xã hội. Đầu tiên cần xử lý tốt quan hệ về hiệu quả kinh tế và xã hội, ngăn chặn xu hướng nhấn mạnh hiệu quả lợi ích xã hội và coi nhẹ hiệu quả kinh tế, và ngược lại, trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị

- Quan hệ giữa phát triển kinh tế - xây dựng cơ sở hạ tầng. Cơ sở hạ tầng đô thị là điều kiện

tiền đề để kinh tế đô thị phát triển, thúc đẩy phát triển kinh tế đô thị là mục tiêu của xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và mối quan hệ này cần phải được phối hợp một cách nhịp nhàng. Quy mô xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị không thể chậm hơn so với sự phát triển kinh tế đô thị đồng thời cũng không thể vượt lên so với yêu cầu khách quan của phát triển kinh tế đô thị. Xây dựng cơ sở hạ tầng của đô thị không nên nhằm mục đích cố gắng trở thành công trình thành tích mà trong quá trình xây dựng đô thị loại hình mới, nên thiết thực sáng tạo, đổi mới trong phát triển kinh tế đô thị.

- Quan hệ giữa các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng. Cần xử lý tốt quan hệ giữa dự án khác nhau trong xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị. Tức là phải phối hợp nhịp nhàng giữa các dự án xây dựng điện, nước, đường sá, bưu chính và viễn thông... với văn hóa, giáo dục, vệ sinh... của cơ sở hạ tầng đô thị. Đồng thời không được coi nhẹ việc xây dựng cơ sở hạ tầng về mặt xử lý môi trường mang tính hiệu quả công cộng. Khi xây dựng cơ sở hạ tầng cần xử lý tốt liên quan giữa trọng điểm và phổ thông, giữa ngắn hạn và dài hạn, tăng cường xử lý hệ thống cơ sở giáo dục, văn hóa, vệ sinh và môi trường ở đô thị cùng khả năng đầu tư các dự án mang tính chất lợi ích công cộng khác.

## **3. Những biện pháp duy trì lâu dài trong việc thúc đẩy xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị**

### ***Quan tâm cao độ tới việc quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị***

Bố cục quy hoạch cơ sở hạ tầng đô thị ở Thành Đô không được hợp lý, các khoản nợ về mặt phát triển lâu dài còn tương đối nhiều. Do đó, cần đẩy mạnh quy hoạch đô thị để tạo điều kiện cơ sở cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, nỗ lực nâng cao chất lượng tổng thể các dự án xây dựng đô thị. Trong quá trình quy hoạch cần xem xét một cách sát sao các yếu tố quan trọng như giao thông, vận tải, điện lực, thông tin, nước thải và xử lý rác thải... Đặc biệt, cần coi trọng quy hoạch lâu dài cơ sở hạ tầng dưới



lòng đất. Khi đã có quy hoạch thì phải chấp hành một cách nghiêm túc; đồng thời cần được rà soát và điều chỉnh quy hoạch theo trình tự quy định của pháp luật.

***Đưa quan điểm cộng sinh hài hòa giữa môi trường với con người vào trong quá trình xây dựng***

Phát triển bền vững cơ sở hạ tầng đô thị được nhấn mạnh ở sự phát triển hài hòa giữa con người với tự nhiên và giữa con người với con người. Do đó, cần được kết hợp giữa bảo vệ môi trường và xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, thực hiện một cách hài hòa ăn khớp giữa xây dựng đô thị với bảo vệ môi trường và thúc đẩy sự phát triển cộng sinh giữa con người với môi trường. Trọng điểm của vấn đề này là tiến hành quy hoạch đối với hệ thống đường sá, sông hồ, kênh mương, cây xanh... trong đó cần phải xem xét tới các nhu cầu hiện thực và sự phát triển lâu dài. Đối với chức năng và hiện trạng của các sông hồ, mạng lưới sử dụng nước sinh thái từ các kênh mương và kênh mương thoát nước... cần tiến hành quy hoạch và xử lý. Dựa theo yêu cầu của người dân và biện pháp xử lý sông hồ thuộc khu vực đó, tiến hành tổng hợp xử lý, hoàn thiện hệ thống an toàn sinh thái như phòng chống lũ lụt, ngập úng... khống chế tổng lượng xả rác thải ô nhiễm công nghiệp chủ yếu. Giảm phát thải chất dioxin và khói bụi, tăng cường xử lý khí thải phương tiện. Tích cực mở mang phát triển xanh hóa và mỹ quan hóa ở đô thị. Dựa vào nguyên tắc “bố cục cân bằng” tăng cường xây dựng xanh hóa đô thị; làm tốt công tác thoát nước mưa, xử lý nước ô nhiễm, tái sử dụng nước, rác thải sinh hoạt của đô thị về cơ bản được thực hiện xử lý vô hại, tỷ lệ xử lý nước thải sinh hoạt đạt tới trên 90%.

***Ưu tiên phát triển giao thông công cộng***

Ưu tiên phát triển giao thông công cộng là con đường hiệu quả phát triển bền vững cơ sở hạ tầng đô thị. Giao thông công cộng càng phát triển thì năng lượng hao phí càng thấp. Bình quân lượng xe ô tô sử dụng ở các nước phát

triển phương Tây và nước Mỹ là gần bằng nhau nhưng bình quân lượng nhiên liệu hao phí lại chỉ bằng một nửa so với nước Mỹ. Đối với giao thông công cộng tốc độ cao thì nên chọn dùng những trang thiết bị và cơ sở kỹ thuật cao, tăng cường khả năng vận tải của đường sá và tránh phát sinh sự cố giao thông. Để thật sự ưu tiên giao thông công cộng, nên nỗ lực đẩy mạnh giao thông công cộng xanh, sử dụng các nhiên liệu xanh; tiến tới sử dụng xe điện; tăng cường xây dựng hệ thống công cộng cao tốc để có thể rút ngắn thời gian đi lại, tiến một bước nữa hoàn thiện tuyến đường giao thông công cộng để thuận tiện cho người dân sử dụng các phương tiện giao thông công cộng này.

***Đẩy mạnh xây dựng tiết kiệm năng lượng***

Trong “Quy hoạch đô thị hóa loại hình mới của quốc gia” có chỉ ra, “theo sự phát triển đô thị hiện đại từ khái niệm mới và xu thế mới, thúc đẩy phát triển đô thị xanh”. Xây dựng tiết kiệm năng lượng không những thúc đẩy phát triển đô thị xanh và là khâu quan trọng của một đô thị tiết kiệm năng lượng, đồng thời cũng là trọng điểm trong quá trình phát triển bền vững xây dựng cơ sở hạ tầng của đô thị. Theo thống kê chưa đầy đủ, năng lượng tiêu hao cho xây dựng của Trung Quốc là tương đối lớn, chiếm 28% tổng lượng năng lượng tiêu hao của toàn xã hội. Cùng với tiến trình đô thị hóa đang không ngừng tăng nhanh, xây dựng nhà ở tại đô thị sẽ tiếp tục duy trì nhịp độ tăng trưởng cao, nguồn năng lượng tiêu hao cho xây dựng sẽ tăng một cách nhanh chóng. Đến năm 2020 tiêu thụ năng lượng của ngành xây dựng chiếm trên 38% tổng lượng năng lượng, hay nói một cách khác tiêu thụ năng lượng cho xây dựng đô thị đã chiếm gần một nửa nguồn năng lượng và các nguồn tài nguyên chủ yếu khác. Trước mắt có khoảng 15% công trình xây dựng mới của Trung Quốc đạt tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng. Giảm bớt được một lượng lớn khí thải ô nhiễm như carbon dioxide, bụi..., đồng thời hiệu quả và lợi ích kinh tế xã hội đều tương đối

nổi bật. Do vậy làm tốt công tác tiết kiệm năng lượng trong xây dựng có ý nghĩa to lớn và ảnh hưởng quan trọng.

### **Thiết lập hệ thống chỉ tiêu phát triển bền vững cơ sở hạ tầng đô thị**

Trước mắt, tiến trình đô thị hóa ở Thành Đô đang phát triển mạnh, khả năng phát triển bền vững cơ sở hạ tầng đô thị đang đối diện với những thách thức từ nhiều phương diện. Do đó cần phải thiết lập hệ thống chỉ tiêu đánh giá để có thể cung cấp những luận cứ khoa học cho quá trình phát triển bền vững cơ sở hạ tầng của đô thị. Thông qua hệ thống chỉ tiêu này có thể nhận biết một cách rõ ràng hơn về mức độ phát triển, hài hòa, bền vững đối với cơ sở hạ tầng đô thị, cung cấp hệ thống tiêu chuẩn để trong quá trình khai thác đô thị tránh làm tổn hại môi trường, dự báo khả năng và xu thế phát triển bền vững trong tương lai của cơ sở hạ tầng đô thị. Dựa theo hệ thống chỉ tiêu khoa học về phát triển bền vững cơ sở hạ tầng đô thị nhằm tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên, phối hợp một cách toàn diện và hệ thống tất cả các yếu tố tích cực, triển khai công tác phát triển bền vững cơ sở hạ tầng đô thị.

### **Chú trọng xây dựng văn hóa đô thị**

Xây dựng văn hóa đô thị là sự hỗ trợ tinh thần cho việc phát triển bền vững cơ sở hạ tầng đô thị. Do đó cần đặt việc xây dựng văn hóa đô thị đứng ở vị trí quan trọng hàng đầu, lấy việc xây dựng văn hóa đô thị để thúc đẩy phát triển

bền vững và cải thiện toàn diện cơ sở hạ tầng đô thị. Trọng điểm là thực hiện chuyển tiếp văn hóa truyền thống và văn hóa đặc sắc của khu vực, nắm vững lịch sử văn hóa của các địa danh và xây dựng khu vực bảo tồn văn hóa. Nâng cao phẩm chất văn hóa xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, thiết lập ý thức đối với những sản phẩm tinh hoa, chú trọng xây dựng và thiết kế quảng trường, công viên, cảnh quan đường phố..., bộc lộ được nét đặc sắc của đô thị. Tăng cường xây dựng các công trình kiến trúc tiêu chuẩn cao như thư viện, bảo tàng, trung tâm nghệ thuật, rạp chiếu phim..., quy hoạch xây dựng các cơ sở hoạt động thể dục, văn hóa, triển lãm mang tính quốc tế...

Như trên đã đề cập, phát triển bền vững cơ sở hạ tầng đô thị là cách giải quyết tối ưu nhất đối với sự tăng trưởng dân số đô thị và những mâu thuẫn về môi trường đô thị trong quá trình đô thị hóa kiểu mới. Chỉ có dựa trên quan điểm phát triển bền vững mới có thể hình thành tính tương quan giữa phát triển đô thị và tăng trưởng dân số, thúc đẩy tiến trình đô thị hóa kiểu mới, cải thiện môi trường tự nhiên và môi trường sản xuất vật chất của xã hội.

**Lưu Trinh Quý**

*Nguồn: TC xây dựng đô thị và nông thôn*

8/2014

**ND Khánh Ly**

## **Kết cấu kháng chấn nhà ở của người dân nước Mỹ và những gợi ý**

Mỹ là quốc gia có nguồn tài nguyên gỗ khá phong phú. Nước láng giềng Canada cũng có tài nguyên nguyên rừng to lớn và mỗi năm nước này đều xuất khẩu một lượng gỗ lớn sang Mỹ. Ngoài ra, trên thế giới còn có rất nhiều quốc gia cũng xuất khẩu gỗ sang Mỹ, bao gồm cả những nước có nguồn tài nguyên gỗ nghèo nàn như Trung Quốc. Điều này vô hình chung đã cung

cấp cho việc xây dựng nhà ở tại Mỹ một lượng lớn vật liệu gỗ xây dựng có chất lượng tốt, giá rẻ mà lại có khả năng kháng chấn tốt nhất. Vì vậy, hầu như tất cả nhà ở của người dân, thậm chí bao gồm cả các chung cư 3-4 tầng hoặc các công trình công cộng về cơ bản đều sử dụng kết cấu gỗ.

Tường nhà có kết cấu gỗ tại Mỹ đều có cấu

tạo kếp, ở giữa sử dụng vật liệu gỗ để tiến hành phân chia. Giữa vật liệu gỗ và mặt sàn và giữa vật liệu gỗ với nhau được liên kết bằng vít, thép góc không gỉ hoặc thép tấm có gai. Điều này giúp tường có độ ổn định cực kỳ tốt.

Tường ngoài của các nhà ở tại Mỹ đa số sử dụng gạch hoặc đá để xây dựng. Chúng nằm bên ngoài tường kết cấu gỗ, thông thường đều là gạch đất nung rất mỏng. Tác dụng của chúng chủ yếu là bảo vệ tường gỗ trước sự xâm lấn của mưa gió và còn có tác dụng bảo ôn, hơn nữa còn tạo vẻ mỹ quan. Ngoài ra, cũng không loại trừ tác dụng hỗ trợ và gia cố nhất định cho tường gỗ. (Ảnh 1)

Phần mái của nhà gỗ đa số sử dụng lớp vải sơn chống thấm giả hình ngói lợp. Loại vải sơn chống thấm này không những có trọng lượng nhẹ mà hiệu quả chống thấm tốt, nó có áp lực khá nhỏ đối với phần móng và tường do đó nâng cao tính ổn định của ngôi nhà đồng thời giảm



Ảnh 1: Tường ngoài của nhà gỗ tại Mỹ

chi phí và có thể sử dụng liên tiếp trên 10 năm. Sau 10 năm, lớp vải chống thấm này được thay đổi rất dễ dàng bằng cách lột bỏ lớp cũ, dùng keo dán để dán lớp mới vào là được. Công việc này thông thường người dân có thể tự làm được.

Ở Mỹ, người dân rất chú trọng xử lý phần móng. Cho dù ngôi nhà chỉ có một tầng kết cấu gỗ thì đều sử dụng móng bê tông cốt thép với toàn bộ phần nền là bê tông đổ tại chỗ. Việc làm này hoàn toàn có thể đảm bảo ngôi nhà mà họ xây dựng có khả năng kháng chấn tuyệt đối.

(Ảnh 2)

Có người cho rằng, người Mỹ làm nhà giống như lắp ghép các khối gỗ vậy, chỉ vài ngày hoặc mười mấy ngày là xong 1 ngôi nhà. Điều này hoàn toàn sai. Người Mỹ xây nhà không hề nhanh như vậy. Chỉ riêng việc đào móng, đổ bê tông móng cho đến khi bê tông hoàn toàn đông



Ảnh 2: Phần móng của nhà gỗ tại Mỹ

cứng rồi sau đó thực hiện các tác nghiệp phía trên phần móng đã phải mất 1 - 2 tháng.

Ngược lại, tại Trung Quốc, trong những năm gần đây, những loại nhà ở bị đổ sập nhiều nhất trong các trận động đất lại là những ngôi nhà truyền thống có kết cấu gạch - gỗ. Vậy tại sao những ngôi nhà này lại không thể kháng chấn? *Thứ nhất*, phần móng của ngôi nhà không được tiến hành xử lý gia cố tiêu chuẩn cao, thông thường phía dưới các cột gỗ chỉ được đệm một bệ đá. Ngoài ra, biện pháp chống thấm trong những ngôi nhà này cũng làm chưa được tốt. Về lâu dài, phần chân các cột gỗ rất dễ bị mục nát. Công tác xử lý phần móng như vậy rất dễ khiến ngôi nhà bị lún. Sau một khoảng thời gian, cho dù không xảy ra động đất thì những ngôi nhà này cũng dễ có nguy cơ đổ sập. *Thứ hai*, phần tường của những ngôi nhà gỗ đa số có kết cấu 1 lớp, tính ổn định rất kém. *Thứ ba*, phần mái hầu hết sử dụng ngói đất nung khiến cho phần mái trở nên nặng nề. Tất cả những nguyên nhân trên khiến cho ngôi nhà dễ dàng bị đổ sập khi có động đất.

Do nguồn tài nguyên hạn chế, việc xây dựng

nhà ở tại vùng nông thôn Trung Quốc trong những năm gần đây rất ít sử dụng kết cấu gỗ, đa số chuyển sang sử dụng kết cấu gạch-bê tông. Tuy nhiên, nhà dân tại rất nhiều địa phương được xây dựng khi không có một khái niệm kháng chấn nào. Kết cấu của những ngôi nhà được xây bằng gạch thậm chí còn không tiến hành xử lý móng cẩn thận, có nhà đổ dầm móng, có nhà không, tường nhà không có cốt cấu tạo, hiếm gặp nữa là kết cấu khung. Mặt sàn của tầng thứ 2 trở lên không được đổ bê tông tại chỗ mà sử dụng các tấm chế sẵn bằng phương pháp truyền thống... Những ngôi nhà được xây nên bằng những phương pháp trên một khi đã có động đất thì đều bị sập, so với những ngôi nhà bằng kết cấu gỗ chúng có mối nguy hại tới an toàn sinh mệnh con người còn lớn hơn.

Trung Quốc trong những năm gần đây liên tiếp xảy ra các trận động đất vì vậy đây là lúc cần xem xét kỹ lưỡng về vấn đề kháng chấn cho nhà ở của người dân. Tuy nhiên, do vấn đề tài nguyên khác nhau, không thể sao chụp y nguyên mô hình của các nước khác mà chỉ nên thu thập, học hỏi những biện pháp có lợi nhất, phù hợp nhất với tình hình đất nước. Từ kinh nghiệm thành công trong quá trình khôi phục vùng đất Vấn Xuyên sau động đất cho thấy, việc tăng cường khả năng kháng chấn cho các nhà ở tại vùng nông thôn là việc không thể chậm trễ, đặc biệt là việc xây dựng hệ thống kết cấu kháng chấn mới có tác dụng quyết định đối với sự an toàn của người dân, Ngoài ra, việc xem xét tới đặc điểm của các khu vực nông thôn cũng rất quan trọng. Một ngôi nhà nông thôn được thiết kế kháng chấn yêu cầu các phương diện khác như bảo ôn cách nhiệt, thi công nhanh chóng, giảm thiểu chi phí... cũng phải đạt hiệu quả rõ rệt. Đối với những yêu cầu này, nhà ở kháng chấn xây dựng tại vùng nông thôn cần thiết lập hệ thống kết cấu kháng chấn mới.

Ví dụ như hệ thống kết cấu dạng lắp ráp, hàn nối tại công xưởng lớp bảo ôn và cốt thép

chịu lực của tường chịu lực lại, hình thành tấm khung lưới cốt thép (Ảnh 3). Tiến hành đổ bê tông hai mặt tấm khung lưới cốt thép tại hiện trường để hình thành nên tấm tường chịu lực, bảo ôn và cách âm. Đây là hệ thống kết cấu tường chịu lực bê tông cốt thép kiểu mới vừa tiết kiệm năng lượng xây dựng vừa thực hiện yêu cầu công xưởng hóa xây dựng. Hệ thống kết cấu này có tính năng kháng chấn ưu việt, trong quá trình xây dựng không cần sử dụng gạch đất



Ảnh 3: Tấm khung lưới cốt thép dùng làm tường chịu lực

nung, có thể giảm hao phí một lượng lớn tài nguyên đất và giảm ô nhiễm môi trường. Sản xuất công xưởng hóa, thi công dạng lắp ráp tại hiện trường không những giúp nâng cao tốc độ thi công mà còn có những ưu thế khác như giảm chi phí công trình, tải trọng nhẹ, bảo ôn cách nhiệt, chất lượng ổn định, diện tích sử dụng lớn... Hiện tại, hệ thống kết cấu xây dựng này đã được ứng dụng tại một số khu vực tái thiết sau động đất tại Trung Quốc như Vấn Xuyên, Ngọc Thụ... và có được những hiệu quả rõ rệt.

Ngoài ra, nhà ở kết cấu thép nhẹ cũng có khả năng kháng chấn rất mạnh và chịu tải trọng ngang rất tốt. Loại nhà ở này còn có các ưu điểm khác như hao phí thấp, ít ô nhiễm, bảo vệ môi trường, thi công nhanh gọn, không bị ảnh hưởng bởi thời tiết... Bên cạnh đó, việc sản xuất và vận chuyển kết cấu thép khá thuận tiện, đặc biệt thích hợp cho việc xây dựng nhà ở cần tốc độ nhanh và có yêu cầu kháng chấn cao.

Những loại hình kết cấu kháng chấn với những ưu thế đặc biệt trên đây đều có khả năng đáp ứng những yêu cầu xây dựng nhà ở tại khu vực nông thôn sau động đất, phổ biến thích hợp với việc xây dựng nhà ở thấp tầng và nhiều tầng tại nông thôn sau động đất. Tuy nhiên, công tác mở rộng xây dựng nhà ở kháng chấn tại khu vực nông thôn hiện nay vẫn đang đối mặt với rất nhiều vấn đề. Dưới đây là những gợi ý nhằm mở rộng hệ thống kết cấu kháng chấn kiểu mới, từng bước nâng cao khả năng kháng chấn cho nhà ở tại khu vực nông thôn.

- *Thứ nhất*, cần tăng cường tuyên truyền, giáo dục kiến thức về kháng chấn nhà ở cho những khu vực hay xảy ra động đất. Cần chỉ đạo người dân nông thôn tiến hành thiết kế kháng chấn, lựa chọn địa điểm xây dựng trước khi xây nhà, tránh những nơi dễ bị ảnh hưởng bởi động đất như dốc núi, vùng đất trũng...

- *Thứ hai*, quản lý quá trình xây dựng một cách quy phạm. Nên căn cứ theo ý nguyện người dân, Chính quyền cần thống nhất gọi thầu, chọn mua vật liệu nhằm giảm hơn nữa chi phí và bảo đảm chất lượng công trình. Về phương diện xây dựng, có thể do bên cung cấp hệ thống kết cấu thống nhất thi công, cũng có thể do bên cung cấp kết cấu đưa ra sự hướng dẫn, đào tạo kỹ thuật, người dân tự tiến hành

xây dựng.

- *Thứ ba*, tăng cường đào tạo. Chính quyền cần tổ chức định kỳ các lớp đào tạo về kỹ thuật xây dựng nhà ở kháng chấn, phổ biến kiến thức về kỹ thuật kháng chấn cho đội ngũ nhân viên xây dựng tại nông thôn để giúp người xây dựng tại nông thôn nắm vững các kỹ thuật xây dựng hệ thống kết cấu kháng chấn kiểu mới. Cần tổ chức cho các nhân viên kỹ thuật chuyên ngành về quy hoạch, thiết kế, thi công ... tiến hành tư vấn lưu động về các kỹ thuật kháng chấn tại khu vực nông thôn để nâng cao chất lượng xây dựng kết cấu kháng chấn tại nông thôn.

- *Thứ tư*, xây dựng chế độ khích lệ để dẫn dắt người dân xây dựng nhà ở kháng chấn. Cần tiến hành đề ra các chính sách thưởng phạt đối với việc xây dựng nhà ở kháng chấn tại nông thôn. Đối với quần chúng tiến hành xây dựng theo yêu cầu kháng chấn, cần đưa ra phương thức và biện pháp khen thưởng để khích lệ, dẫn dắt việc xây dựng nhà ở nông thôn đạt được những yêu cầu trong thiết kế phòng chấn, kháng chấn.

**Trần Bình Chương**

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn Trung Quốc, số 9/2014*

**ND: Kim Nhạn**

## **Lựa chọn thông minh trong xây dựng đô thị**

Báo cáo Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chỉ ra, các cấp chính quyền cần đẩy mạnh phát triển đồng bộ công nghiệp hóa, thông tin hóa, đô thị hóa và nông nghiệp hiện đại hóa. “Đô thị hóa mô hình mới” không chỉ là động lực phát triển kinh tế Trung Quốc mới, mà còn là xuất phát điểm và điểm tựa cho đại đa số người nông dân thực hiện “Giấc mộng Trung Hoa”. Đô thị mới cần thông tin hóa như thế nào làm điểm tựa? Thông tin hóa có thể phát huy vai trò gì trong công tác đô thị hóa mô hình mới? Cách

làm của thị trấn Sa Hà Tử, thành phố Thương Lạc, tỉnh Thiểm Tây là một ví dụ điển hình.

Nếu có dịp quay trở lại với thị trấn Sa Hà Tử, thành phố Thương Lạc, tỉnh Thiểm Tây, điều khiến người khác không khỏi ngỡ ngàng không chỉ có những khung hình giới thiệu về công trình di dời và an cư cho người dân Thiểm Tây, mà quan trọng hơn đó là dự án Đô thị số hóa của thị trấn Sa Hà Tử với thành tích liên tiếp 3 năm liền trở thành thị trấn tiên tiến đi đầu tiên phong thí điểm của tỉnh Thiểm Tây. Phần mềm chương trình đã chiếm một vị trí quan trọng

trong bộ nhớ điện thoại của các cán bộ xã và thị trấn. Trong điện thoại di động của ông Lý Tranh, chủ tịch thị trấn Sa Hà Tử, hệ thống ứng dụng được sử dụng nhiều nhất trong ngày là hệ thống làm việc di động xã, thị trấn và hệ thống quản lý cộng đồng.

### **Đô thị số hóa thay đổi cuộc sống của người dân**

Trong quá trình xây dựng thị trấn trọng điểm, nhằm phối hợp xây dựng thị trấn trọng điểm, áp dụng biện pháp thông tin hóa xúc tiến đô thị và nông thôn phát triển đồng bộ, Sở Công nghệ và Thông tin tỉnh Thiểm Tây phối hợp với Sở Xây dựng Nhà ở và đô thị tỉnh Thiểm Tây cùng ban hành “Thông tư về việc thị trấn trọng điểm triển khai xây dựng công trình thí điểm “Đô thị số hóa” và “Phương án quy hoạch xây dựng công trình thí điểm Đô thị số hóa của tỉnh Thiểm Tây”, xác định rõ mục tiêu tổng thể, nội dung xây dựng và đường lối chỉ đạo trong công tác xây dựng “Đô thị số hóa”. Thông qua phương thức “Thí điểm tiên phong, phân lô thực hiện”, từng bước triển khai xây dựng công trình thí điểm “Đô thị số hóa” đối với 30 thị trấn trọng điểm, hoàn thiện và nâng cấp trình độ ứng dụng công nghệ thông tin tại các thị trấn trọng điểm, sử dụng công nghệ thông tin thúc đẩy đô thị và nông thôn phát triển đồng bộ. Dự án đô thị số hóa thị trấn Sa Hà Tử bắt đầu triển khai vào tháng 8 năm 2013. Chính quyền địa phương thị trấn Sa Hà Tử đầu tư 1,2 triệu nhân dân tệ, hoàn thành bàn giao 4 công trình, bao gồm trung tâm phục vụ dân sinh, cổng thông tin điện tử tổng hợp của chính quyền, văn phòng di động tổng hợp, đồng thời nghiệm thu thông qua vào ngày 19 tháng 12 cùng năm.

### **Yếu tố cấu thành đô thị số hóa**

Thị trấn Sa Hà Tử căn cứ “quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu xây dựng đô thị số hóa của Tỉnh Thiểm Tây” (bản thử nghiệm), đồng thời kết hợp với hiện trạng xây dựng thông tin hóa của thị trấn, nội dung thông tin hóa sau khi xây dựng cơ bản chia thành 4 mô hình sau: xây

dựng phòng phục vụ dân sinh và hệ thống hỗ trợ, hệ thống xây dựng Cổng thông tin điện tử thị trấn Sa Hà Tử, hệ thống chỉ huy văn phòng di động tổng hợp, hệ thống quản lý thông tin hóa cộng đồng và hệ thống trình chiếu quy hoạch xây dựng đô thị mới số hóa.

Cổng thông tin điện tử thị trấn Sa Hà Tử căn cứ vào chỉ tiêu sát hạch của Trung ương đối với trang điện tử chính quyền các cấp để định hướng đây là cổng công bố tin tức, phục vụ cộng đồng và công khai các hoạt động chính trị, đồng thời là cầu nối mới cho chính quyền và nhân dân. Căn cứ vào tình hình thực tế xây dựng đô thị số hóa của thị trấn Sa Hà Tử, trong thời kỳ đầu xây dựng hệ thống thông tin chủ yếu là thiết lập cổng thông tin đối ngoại, tiến hành liên kết giữa cổng thông tin chính quyền với mạng thông tin về văn hóa, du lịch, nông nghiệp. Đối tượng phục vụ của hệ thống quản lý thông tin cộng đồng là cư dân trong khu vực thị trấn, sử dụng sự toàn diện, chính xác, tin cậy và kịp thời ghi lại của hệ thống máy tính và các thông tin nghiệp vụ liên quan (như con người, nhà ở, tài sản, sự kiện...) diễn ra trong quá trình vận hành xử lý nghiệp vụ thường ngày để làm nền tảng thu thập số liệu cơ sở, không những hỗ trợ chuẩn hóa công tác cộng đồng, mà còn góp phần nâng cao hiệu quả công tác cộng đồng. Sử dụng hệ thống mô phỏng 3D của bản đồ GIS (hệ thống thông tin địa lý) để tiến hành trình chiếu mô hình các khu vực trong quy hoạch tổng thể trong khu vực thị trấn mới xây dựng. Chủ yếu ứng dụng cho khu vực phục vụ xã hội như quy hoạch thị trấn, mô hình chức năng, có thể triển khai thiết kế như quy hoạch tổng thể khu vực thị trấn và so sánh phương án xây dựng một cách trực quan, hoặc có thể lập trình diện mạo xây dựng tổng thể thị trấn hiện tại và tương lai. Đồng thời có thể mô phỏng kiến trúc xây dựng bằng mô hình 3D cho phù hợp với môi trường và quy hoạch tổng thể khu vực thị trấn.

### **Ứng dụng thông minh: hệ thống sau khi**

## hoàn thành

Theo giới thiệu của Chủ tịch thị trấn, ông Lý Tranh, thì hiện nay toàn bộ các cán bộ của 38 Ủy ban xã trực thuộc thị trấn đều được trang bị điện thoại thông minh. Khi xuống các xã thị sát, nếu gặp bất kỳ vấn đề nào về diện mạo hay hệ thống cơ sở hạ tầng ở bất kỳ địa điểm nào, bất kể từ xã cho đến các hộ, các cán bộ đều dùng điện thoại chụp lại hình ảnh hiện trường, tải lên hệ thống để các đơn vị chức năng căn cứ thực tế để sớm đưa ra các phản ứng tích cực. Cũng theo ông Lý, thì hệ thống căn cứ vào nhiệm vụ công tác của từng cán bộ để thiết lập quyền hạn tương ứng, như vậy cho dù người quản lý chưa đến hiện trường cũng có thể nắm bắt được tình hình khách quan, thuận tiện đưa ra phán đoán chính xác.

Ngoài ra, sự thay đổi cũng thể hiện rõ nét trong các khâu làm thủ tục của người dân. Trong hệ thống mô phỏng 3D trong bản đồ GIS và phòng phục vụ thông tin thị trấn Sa Hà Tử có thể trình bày một cách rõ ràng quy hoạch tổng thể khu vực thị trấn mới xây dựng, người dân có thể hoàn thành bảo hiểm xã hội và dân chính ở phòng phục vụ dân sự một cửa.

Theo giới thiệu, sau khi hoàn thành hệ thống đô thị số hóa có thể thực hiện các chức năng hữu quan, thay đổi cảm nhận trực quan của nhân viên hành chính và người dân: *Thứ nhất*, hệ thống này hỗ trợ dân làm thủ tục. Các hạng mục chính sách dễ dàng tìm thấy trong khu vực

tra cứu và trên hệ thống. *Thứ hai*, hiệu quả phục vụ hành chính cao hơn. Nhân viên hành chính của thị trấn có thể thông qua điện thoại thông minh để kịp thời nắm rõ lịch công tác trong ngày của lãnh đạo, góp phần nâng cao hiệu quả công tác. Đồng thời, còn có thể dễ dàng kiểm tra tình hình cụ thể của nhóm đối tượng quan tâm trong các phân mục khu vực thôn, xã và nắm rõ hồ sơ của đối tượng phục vụ thông qua điện thoại thông minh. *Thứ ba*, nâng cao công tác tuyên truyền hình ảnh thị trấn. Thông qua động thái tìm kiếm điểm thích hợp giữa thông tin hóa và đô thị hóa trong quá trình xây dựng thị trấn trọng điểm không những góp phần nâng cao chất lượng và ý nghĩa của công tác xây dựng đô thị hóa, mà còn góp phần hỗ trợ các nhân viên mở rộng tư duy và tầm nhìn, đẩy nhanh tốc độ xây dựng, thay đổi phương thức công tác. Có thể nói, thông tin hóa là một trong những động cơ quan trọng trong công tác xây dựng đô thị hóa.

Các chuyên gia đã chỉ ra rằng, công nghệ thông tin có thể thay đổi hình thức tổ chức sản xuất của đô thị, góp phần hỗ trợ các thành phố lớn, vừa, nhỏ, các đô thị nhỏ và các quần thể đô thị bố cục hợp lý và khoa học hơn.

**Dương Tinh Tinh; Lý Tân; Cừ Lại**

*Nguồn: Báo Xây dựng Trung Quốc  
(Đăng ngày 01/01/2014)*

**ND: Hoàng Đại Hải**

## **Nên lấy tiêu chí phù hợp cư trú làm mục tiêu phát triển thành phố vừa và nhỏ**

Nhìn từ góc độ lịch sử, thường thì các quốc gia có thành phố vừa và nhỏ phát triển vững mạnh thì kinh tế và xã hội của nước đó phát triển hài hòa và ổn định. Chủ tịch Hội nghiên cứu bất động sản Trung Quốc, Chủ tịch Hiệp hội bất động sản Trung Quốc, Ông Lưu Chí Phong trên “Diễn đàn cấp cao về môi trường cư

trú Trung Quốc lần thứ 7” đã nhấn mạnh rằng: “phát triển thành phố vừa và nhỏ nên lấy tiêu chí phù hợp cư trú làm mục tiêu”.

Từ Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XVIII đến nay, đặc biệt là từ khi ban hành “Quy hoạch đô thị hóa mô hình mới quốc gia giai đoạn 2014 -

2020” đến nay, Đảng và Nhà nước Trung Quốc đã đưa mục tiêu phát triển thành phố vừa và nhỏ lên một vị thế quan trọng hơn. So với các thành phố lớn, quy mô của thành phố vừa và nhỏ phù hợp hơn, môi trường tự nhiên sinh thái trong lành hơn, các vấn đề về môi trường và xã hội trong quá trình phát triển thành phố vừa và nhỏ đơn giản hơn, các nhu cầu của cư dân về cung cấp vật chất và cơ sở hạ tầng dễ đáp ứng hơn, trong quá trình đô thị hóa mô hình mới, có ưu thế hơn trong việc xây dựng thành phố phù hợp cư trú. Có thể tin tưởng rằng, trong 10 năm tới, thành phố vừa và nhỏ sẽ trở thành đối tượng chính trong việc nâng cao chất lượng đô thị hóa và thúc đẩy đô thị phát triển lành mạnh.

#### **Lấy quy hoạch cư dân làm cơ sở để các thành phố vừa và nhỏ xây dựng đô thị hóa mô hình mới**

Tốc độ đô thị hóa đạt nhanh hơn đô thị hóa nhân khẩu; khả năng cung ứng các sản phẩm phục vụ công cộng cơ bản như y tế, giáo dục yếu kém, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng chậm trễ là những vấn đề khá phổ biến mà các thành phố vừa và nhỏ trong quá trình phát triển đang gặp phải. Làm thế nào để khắc phục các vấn đề còn tồn tại trong quá trình phát triển, tiến bước vào con đường phát triển thành phố vừa và nhỏ hấp dẫn và tràn đầy sức sống? Đây chính là tiêu điểm mà các cấp chính quyền cần hết sức quan tâm, đồng thời cũng chính là khó khăn phải đối diện trong quá trình phát triển.

Phó chủ tịch Hội nghiên cứu bất động sản Trung Quốc, kiêm Chủ nhiệm Ủy ban môi trường dân cư, ông Vương Dung Bản, chỉ ra rằng, môi trường cư dân lành mạnh là giai điệu chính của đô thị hóa mô hình mới. Đô thị hóa mô hình mới lấy con người làm gốc, biểu hiện trực tiếp nhất là trình độ xây dựng môi trường dân cư của một thành phố. Ông cũng nhấn mạnh rằng, trong quá trình đẩy mạnh xây dựng đô thị hóa mô hình mới nên chú ý thay đổi quan niệm và tư duy quy hoạch không gian vật chất truyền thống, căn cứ vào yêu cầu về xây dựng

môi trường dân cư, tổng hợp và phân tích các vấn đề xảy ra trong quá trình phát triển từ các góc độ xã hội, kinh tế, sinh thái và văn hóa. Quy hoạch dân cư là trên cơ sở hệ thống quy hoạch truyền thống, căn cứ vào tư tưởng chỉ đạo đa ngành, nghiên cứu hệ thống phát triển đô thị và nhu cầu thực tế của cư dân đô thị để đưa ra phương pháp quy hoạch mới. Mục tiêu của quy hoạch dân cư là hỗ trợ các thành phố vừa và nhỏ xây dựng nên hệ thống môi trường dân cư thân thiện, cung cấp cho chính quyền thành phố một hệ thống sách lược thực thi và hướng dẫn công tác tương đối hoàn chỉnh và khả thi, đồng thời phân chia đến các ban ngành chức năng nhằm triển khai thực hiện một cách triệt để. Ủy ban môi trường dân cư trong trực tiếp công tác đã từng bước thảo luận và xây dựng nên mô hình công tác với sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng, chính quyền và công chúng, cùng nhau xây dựng môi trường dân cư thân thiện và lành mạnh. Trước tiên là lấy nghiên cứu khoa học làm điểm tựa đi đầu dẫn dắt, thông qua hệ thống chỉ tiêu để hỗ trợ chính quyền cân đo và đánh giá một cách khoa học hiện trạng phát triển môi trường dân cư đô thị, nắm bắt dòng mạch và phương hướng phát triển đô thị. Sau đó thông qua “sổ tay chỉ đạo” về môi trường dân cư để từng bước quán triệt mục tiêu ưu hóa môi trường dân cư đến các cơ quan chức năng, đồng thời thông qua “Kim chỉ nam hành động” để chuyển đổi các kiến nghị và chính sách thành phương án hành động xây dựng môi trường dân cư với sự tham gia tích cực của chính quyền, doanh nghiệp và công chúng.

#### **“Tiêu chuẩn khu cư trú xanh”: Chỉ đạo về dự án xây dựng sinh thái đô thị nhỏ**

“Tiêu chuẩn khu cư trú xanh” là thành quả của Ủy ban môi trường dân cư sau 8 năm tìm tòi nghiên cứu tổng hợp các thành quả nghiên cứu và kinh nghiệm trong và ngoài nước. Tiêu chuẩn này bao hàm môi trường cư trú, tận dụng tài nguyên, mở rộng khu phố, giao thông xanh, đổi mới văn hóa dân cư, cư trú đa dạng và cung



cấp nội dung phát triển bền vững khu cư trú xanh như cơ hội tìm kiếm việc làm. Mục đích là đưa khái niệm phát triển bền vững đi sâu vào công tác đầu tư xây dựng và quản lý dự án, đảm bảo người dân được sống trong một khu dân cư hài hòa và xanh sạch hội tụ đủ mọi tiêu chí về cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh, giao thông thuận tiện, môi trường sạch đẹp. Do tính sáng tạo của tiêu chuẩn này đã mở rộng lĩnh vực nghiên cứu đánh giá kiến trúc xanh sang thành khu cư trú xanh, nên nó không những chỉ phù hợp với các khu vực cư trú xây mới, xây dựng khu mới sinh thái và xây dựng khu vườn sinh thái, đồng thời có vai trò chỉ đạo đối với các dự án cải tạo mới đô thị và dự án xây dựng sinh thái xanh.

Khác với tiêu chuẩn bắt buộc của Nhà nước, “Tiêu chuẩn khu cư trú xanh” định vị cho tiêu chuẩn lĩnh vực ngành nghề, nhấn mạnh góc độ xây dựng công trình, chỉ đạo và hỗ trợ quy hoạch, thiết kế kỹ sư kỹ thuật công trình làm sao thực hiện cụ thể mục tiêu phát triển xanh. Trưởng nhóm chuyên gia của Ủy ban môi trường dân cư, đồng thời là kỹ sư trưởng cố vấn văn phòng thiết kế kiến trúc Lương Khai Bắc Kinh Khai Ngạn cho rằng: “Tiêu chuẩn khu vực

cư trú xanh” phù hợp với những người nhận thức tương đối rõ về xây dựng khu cư trú xanh và công trình xây dựng yêu cầu tương đối cao về chất lượng cư trú. Để đảm bảo tiêu chuẩn khả thi, Ủy ban này đã áp dụng phương thức “chung tay xây dựng”, lấy tên là “Dự án chung tay xây dựng khu cư trú xanh của môi trường dân cư Trung Quốc”, ủy ban này cùng với doanh nghiệp đầu tư cùng thí điểm, thực hiện, nghiệm thu, đảm bảo tiêu chuẩn để kiểm tra, đánh giá và giám sát.

Nói chung, muốn phát triển thành phố vừa và nhỏ và các đô thị thì không thể áp dụng tư duy xây dựng của các thành phố lớn, mà nên kiên trì thực hiện “4 đồng bộ” - Đồng bộ giữa nhân khẩu và ngành nghề; đồng bộ giữa tăng trưởng nhân khẩu và hệ thống phục vụ công cộng cơ bản; Đồng bộ giữa phục vụ công cộng cơ bản và xây dựng cộng đồng; Đồng bộ giữa phát triển kinh tế và đô thị. Đặc biệt quan trọng nhất là phù hợp với cư trú.

**Lưu Triết**

*Nguồn: Báo Xây dựng Trung Quốc (Đăng ngày 26/9/2014)*

**ND: Hoàng Đại Hải**

## **Ngành Xây dựng với việc cung cấp nhân lực cho công tác an toàn sinh thái xây dựng và phát triển bền vững vùng lãnh thổ**

### **Lịch sử hình thành luật pháp về sinh thái**

Ngày nay, các thuật ngữ như “phát triển bền vững”, “an toàn sinh thái” (ATST), “phát triển đô thị”, “quản lý lãnh thổ”, “tiêu chí xanh” đã trở nên phổ biến và không còn gây tranh cãi trong cộng đồng các nhà chuyên môn. Trên thực tế hầu hết các nước phát triển đều xây dựng hệ thống luật pháp sinh thái quốc gia và các cơ chế tương tác cho phép thỏa thuận về các chương trình phối hợp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Phần lớn nội dung của pháp luật sinh thái và bảo vệ thiên nhiên đề cập đến các vấn đề liên quan đến hoạt động xây dựng và các hoạt động xây dựng đó là một yếu tố tác động mạnh lên môi trường thiên nhiên. ATST của các hệ thống và công nghệ xây dựng là một trong những nhiệm vụ quan trọng của ngành xây dựng.

### **Thực trạng của các tiêu chuẩn sinh thái trong ngành Xây dựng**

Tại Quy định kỹ thuật “An toàn của nhà và công trình”, các yêu cầu về sinh thái được nêu

ra còn khái quát. Ngành Xây dựng còn thiếu vắng các tiêu chuẩn sinh thái áp dụng cho sản phẩm xây dựng, bắt buộc áp dụng đối với các chủ thể hoạt động kinh tế.

Dưới đây là những vấn đề cần được giải quyết nhằm triển khai thực hiện các văn bản pháp luật:

- Thiếu nghiêm trọng cán bộ chuyên môn xây dựng nắm vững lý luận và thực tiễn của công tác đo lường, tiêu chuẩn hoá, phù hợp với khái niệm quản lý hiện đại về an toàn mà trước hết là ATST xây dựng; thiếu một hệ thống thuật ngữ kiến trúc - xây dựng được tiêu chuẩn hoá trên tất cả các cấp độ giao tiếp;

- Tình trạng thiếu hiệu quả của các hệ thống bảo đảm an toàn trong khảo sát - thiết kế, thi công xây lắp, khai thác và sửa chữa trong xây dựng;

- Thiếu công nghệ cao trước hết là công nghệ thông tin và hoạt động đổi mới;

### **Cách tiếp cận khoa học đối với công tác đánh giá sự an toàn sinh thái**

Phương pháp khoa học được hình thành từ môn khoa học về kỹ thuật công trình đang giữ vai trò chủ đạo trong tư duy của những người tham gia quá trình xây dựng. Chúng ta cần coi phương pháp khoa học đó là sự thành công quan trọng đối với nền văn minh kỹ thuật xây dựng. Và nền văn minh đó không chỉ thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội của cộng đồng mà còn gây ra cuộc khủng hoảng sinh thái toàn cầu, tình trạng con người bị tách rời khỏi thiên nhiên, cộng đồng ngày càng thiếu tính nhân văn.

Nguyên nhân của các hiện tượng tiêu cực nêu trên là rất sâu sắc và một trong số đó là do ngày nay tồn tại 2 nền văn hoá trong kiến trúc và khoa học xây dựng mang các ngôn ngữ khác nhau, các tiêu chí và giá trị khác nhau. Đó là nền văn hoá kỹ thuật công trình trong đó phương pháp khoa học giữ vai trò chủ đạo bao gồm khoa học về bản chất của VLXD, kết cấu, kỹ thuật và công nghệ xây dựng,... và văn hoá mang tính nhân văn bao gồm nghệ thuật sáng

tác xây dựng, kiến trúc, hội hoạ, thiết kế cảnh quan, các môn khoa học về xã hội và thể giới nội tâm của con người. Triết học hiện đại cần phải là mắt xích liên kết những môn khoa học đó nhưng lại không đủ khả năng vượt qua cuộc khủng hoảng và hiện nay còn rất ít phổ biến.

Ngày nay, các tiêu chí đạo đức, thẩm mỹ kể cả nghệ thuật đặc trưng cho các truyền thống của phương Tây và phương Đông trong lĩnh vực kết hợp thống nhất con người với thiên nhiên và vũ trụ cần phải được đưa vào áp dụng trong khoa học xây dựng.

Như vậy, đối với việc quản lý ATST xây dựng chúng ta cần xây dựng các mô hình quản lý chống khủng hoảng lồng ghép các kiến thức của khoa học hiện đại, thể giới quan tổng thể. Sự kết hợp khoa học nhân văn và khoa học tự nhiên là con đường quản lý ATST mang tính chống khủng hoảng.

Sự thay đổi mô hình trong lĩnh vực khoa học, sự chuyển đổi từ mô hình phân mảnh sang mô hình tiến hoá, hợp lực nay lại được cộng hưởng với nền văn hoá sinh thái trong công tác đào tạo nói chung. Sự khủng hoảng trong ngành xây dựng được đặc trưng bởi sự biến mất của nhiều thông số về thứ tự và sự tồn tại của khoảng trống pháp lý. Khoảng trống pháp lý được đặc trưng bởi sự tồn tại của các quyết định do các bộ và cơ quan ngang bộ ban hành làm hồi sinh những Tiêu chuẩn và quy phạm (SNiP) đã bị thay thế và các Tiêu chuẩn quốc gia (GOST) cũ về xây dựng đối với giai đoạn chuyển đổi sang áp dụng Tiêu chuẩn châu Âu (Eurocodes).

### **“Ngành công nghiệp” an toàn sinh thái trong xây dựng**

“Ngành công nghiệp” ATST trong xây dựng dựa trên sự quản lý kỹ thuật mang tính chống khủng hoảng và sự tự chủ trong ngành Xây dựng cần phải bảo đảm sự an toàn và chất lượng cho công tác xây dựng ở tất cả các giai đoạn trong chu trình tuổi thọ của nhà và công trình, kể cả các dịch vụ đào tạo, tư vấn và đổi

mới trong lĩnh vực quản lý kỹ thuật và tự chủ.

Xây dựng tiềm lực cán bộ tham gia việc hình thành cơ cấu mang tính công nghiệp trong các lĩnh vực tiêu chuẩn hoá sinh thái, đánh giá sự phù hợp về sinh thái và quản lý sinh thái là nhiệm vụ chủ yếu của công tác giáo dục đào tạo trên đại học trong ngành xây dựng. Đội ngũ cán bộ quản lý chống khủng hoảng sẽ thực hiện các công tác xây dựng ở tất cả các giai đoạn của chu trình tuổi thọ của sản phẩm và các quy trình nhằm bảo đảm ATST và chất lượng, tương ứng với các công nghệ đẳng cấp thế giới.

Các yêu cầu sinh thái nêu tại các văn bản quy định và tiêu chuẩn sinh thái thể hiện 3 chức năng quan trọng sau:

- Tiêu chuẩn sinh thái là sự tổng hợp của các tiêu chuẩn, định mức về giới hạn bức xạ, chất thải, rác thải và nồng độ cho phép kể cả các quy định về ATST;

- Các quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn ATST nêu ra các yêu cầu về sinh thái đối với việc bảo đảm an toàn sản phẩm và xác định các tiêu chuẩn, định mức về chất lượng môi trường nhằm bảo đảm ATST cho môi trường và sự phù hợp về chức năng.

- Tiêu chuẩn quản lý ATST nêu ra các quy định về việc xây dựng và vận hành hệ thống quản lý quy trình sản xuất và trong cộng đồng.

### **Quản lý kỹ thuật chống khủng hoảng**

Quản lý kỹ thuật mang tính chống khủng hoảng đề xuất thực hiện các biện pháp sau:

- Nêu ra những gì mà một doanh nghiệp cần phải thực hiện khi bắt đầu áp dụng hệ thống chất lượng sinh thái (CLST). Nhà nước cần ban hành chính sách trong lĩnh vực CLST xây dựng và chính sách cần phải được ban hành trên cấp Bộ. Đây là một nhân tố quan trọng tạo nên sự khởi đầu không chỉ đối với quá trình xây dựng hệ thống CLST vùng lãnh thổ trên cấp Nhà nước mà còn tạo ra phong trào quần chúng vì CLST xây dựng. Trong đó, nhất thiết cần thực hiện một cách tế nhị công tác tuyên truyền giải

thích, làm rõ thực chất của chính sách sinh thái và không gây áp lực, nhằm tránh tình trạng ngay từ những bước đi đầu tiên đã biến phong trào sinh thái thành chiến dịch tuyên truyền thiếu nội dung.

- Thành lập nhóm công tác cấp ngành về chất lượng và nhóm sẽ hoạt động trong khuôn khổ của Ủy ban phối hợp thuộc Bộ Xây dựng LB Nga. Thành phần của nhóm cần bao gồm các chuyên gia nổi tiếng trong lĩnh vực CLST - những con người nắm vững tư tưởng CLST và sẵn sàng làm việc vì lợi ích đất nước.

Nhiệm vụ của nhóm là làm rõ và phát triển chính sách trong lĩnh vực CLST xây dựng, phối kết hợp nỗ lực của các cơ quan, tổ chức, tổ chức biên soạn các văn bản pháp quy,...

Nhiệm vụ chủ yếu của nhóm công tác ngành là tổ chức công tác đào tạo, bồi dưỡng trên quy mô lớn, thu hút sự tham gia của các trường đại học xây dựng có các bộ môn đào tạo tương ứng, trước hết là Trường đại học tổng hợp xây dựng quốc gia Mátxcova (ĐHXDQG Mátxcova) và các tổ chức xã hội như Tổ chức chất lượng LB Nga, Học viện Các vấn đề chất lượng và các tổ chức tư vấn có uy tín và được định hướng vào hoạt động sinh thái. Các hoạt động nêu trên cần bao gồm việc triển khai công tác đào tạo từ xa và áp dụng công nghệ thông tin, máy tính.

### **Cách tiếp cận hệ thống trong bồi dưỡng định hướng sinh thái cho lực lượng cán bộ xây dựng**

Một trong những nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết là đào tạo, bồi dưỡng xây dựng lực lượng cán bộ quản lý được định hướng vào công tác sinh thái trong số những người lãnh đạo và chủ doanh nghiệp lớn và trung bình.

Vấn đề khó khăn nhất là tìm được các nhà quản lý có định hướng sinh thái trong số các nhà quản lý ở cấp cao và tổ chức việc bồi dưỡng, đào tạo đối với họ. Trên cơ sở chính sách của ngành về CLST xây dựng, cần phải soạn thảo các văn bản pháp luật cụ thể và xây

dựng các chương trình Nhà nước, kể cả các biện pháp khuyến khích áp dụng các hệ thống tiên tiến quản lý CLST, hỗ trợ sáng kiến của các tổ chức tự chủ và tổ chức các cuộc thi chọn trao giải thưởng nhằm nâng cao CLST của các dịch vụ xây dựng.

Hệ thống quản lý CLST là một phương pháp luận hợp lý hoá hệ thống quản lý của ngành hướng tới việc tại đầu ra của tất cả các quy trình sẽ nhận được các kết quả với chất lượng bảo đảm và trong điều kiện tiết kiệm nguồn lực.

Nếu xem ngành Xây dựng như một tập đoàn thì chúng ta hoàn toàn có thể áp dụng tất cả các quy tắc và yêu cầu xây dựng hệ thống quản lý hoạt động hiệu quả theo các tiêu chí CLST nêu tại các tiêu chuẩn ISO 9000 và ISO 14000.

Nghị quyết của Hội nghị quốc tế diễn ra vào năm 1992 tại Rio de Janeiro (Braxin) nêu ra nhiệm vụ về việc chuyển sang “sự phát triển bền vững” của quốc gia. Nghị quyết là sự khởi đầu cho sự phát triển của công nghệ sinh thái.

Ngày nay, công nghệ xây dựng xanh được áp dụng rộng rãi tại các nước phát triển văn minh. Theo đó, quy trình đánh giá mang tính tự nguyện được áp dụng đối với nhà và công trình, ví dụ, việc đánh giá được thực hiện theo phương pháp đánh giá hiệu quả sinh thái của nhà BREEAM (BRE Environmental Assessment Method) do Cty Anh BRE Global đề xuất vào năm 1990. Phương pháp được áp dụng trên phạm vi quốc tế.

BREEAM là phương pháp đa năng đánh giá tính sinh thái của bất động sản tại châu Âu nơi có nhiều quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng khác nhau đang phát huy hiệu lực. Hiện nay, việc đánh giá BREEAM được thực hiện bởi một vài quy trình chuẩn hóa áp dụng cho bất động sản thương mại, công nghiệp. Các quy trình đánh giá nêu trên cho phép các chủ sở hữu và các nhà kinh doanh bất động sản sử dụng các giấy chứng nhận xếp loại tại các nước châu Âu khác nhau. Việc đánh giá xếp loại độc lập và việc đạt được các chỉ tiêu cao về sử dụng năng

lượng hiệu quả trở thành ưu thế cạnh tranh mạnh, nâng cao thu nhập của dự án thông qua nâng cao được mức giá thuê bất động sản và giảm chi phí. Ưu thế đó được các nhà đầu tư tiềm năng đánh giá cao.

### **Các nguyên tắc mới về sinh thái kết cấu trong xây dựng**

Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa, tiêu chuẩn hóa sinh thái cần phải được hướng tới tính cạnh tranh quốc gia, sự tăng trưởng kinh tế và giải quyết vấn đề sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên quý hiếm và nguồn lực tri thức của nước Nga. Tiêu chuẩn hóa sinh thái cần phải bảo đảm sự chuyển đổi các nguồn lực độc đáo của đất nước thành các ưu thế cạnh tranh.

Trong quá trình biên soạn các quy chuẩn và tiêu chuẩn về quản lý kỹ thuật trước hết chúng ta cần phải chuyển đổi các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định kỹ thuật sao cho phù hợp với pháp luật hiện hành về quản lý kỹ thuật. Đáng tiếc là trong quá trình thực hiện các yêu cầu tại văn bản hướng dẫn kỹ thuật nêu trên còn chưa đề cập đến việc bảo vệ môi trường và ATST sản phẩm xây dựng. Trong khi đó, chủ đề ATST cần phải là sợi chỉ đỏ xuyên suốt từng văn bản Tiêu chuẩn và quy phạm xây dựng (SNiP) và các Tiêu chuẩn quốc gia (GOST) về xây dựng.

Việc khảo sát các giai đoạn trưởng thành của ý tưởng ATST ở nước ngoài cũng như kinh nghiệm tích lũy tại các nước về công tác soạn thảo và thông qua các quyết định có tính đến yếu tố sinh thái cho thấy, tiêu chuẩn hóa sinh thái cần phải bảo đảm hình thành các tiêu chuẩn quốc gia mang tính hiệu quả, đổi mới, chống tham nhũng và có sức thu hút lực lượng thanh niên tham gia thực hiện các dự án và chương trình ưu tiên.

### **Cách tiếp cận mới đối với công tác tiêu chuẩn hoá sinh thái trong xây dựng**

Công tác quy hoạch chiến lược quốc gia về sinh thái và thiết kế trong lĩnh vực phát triển sản

phẩm mới và công nghệ mới là lý do dẫn đến cuộc hiện đại hoá và bảo đảm năng lực cạnh tranh của nền giáo dục đào tạo của nước Nga. Cơ chế kinh tế - tổ chức triển khai thực hiện chính sách đổi mới của quốc gia cần thiết phải được thiết lập.

Nhu cầu thiết yếu cải tạo nền kinh tế về mặt sinh thái đã chín muồi. Công tác quản lý sinh thái đối với sự phát triển đô thị và tại các lĩnh vực mới cần phải trở thành yếu tố then chốt trong các chương trình hành động của các nhóm dẫn đầu trong cộng đồng. Ngày nay, công tác tiêu chuẩn hoá trên cấp quốc gia cần được triển khai thực hiện. Công tác này được thực hiện đối với các cơ sở khoa học - phương pháp của công việc giám sát sinh thái và hệ thống các tiêu chí phát triển đô thị và khu vực dựa trên sinh thái học. Những giới hạn về mặt sinh thái đối với sự phát triển sản phẩm mới và công nghệ mới của đất nước cần phải được xem xét trong quá trình xây dựng chính sách sinh thái quốc gia. Bảo vệ và gìn giữ tính dân tộc cần phải là những tiêu chí sinh thái cơ bản phát triển sản phẩm mới và công nghệ mới trong quá trình thực hiện kiểm toán sinh thái và thẩm định sinh thái đối với các chương trình và dự án ưu tiên quốc gia. Các tiêu chí mang tính mục tiêu cần phải được xây dựng trong quá trình đánh giá hiệu quả sinh thái và trong quá trình giám sát sinh thái đối với việc thực hiện các chương trình và dự án ưu tiên quốc gia.

Việc củng cố về mặt pháp lý đối với quy trình đánh giá sự ATST tại các nước trên thế giới cho thấy đây là sự chuyển đổi từ cách tiếp cận “phản ứng” trong công tác bảo vệ thiên nhiên sang cách tiếp cận “phòng ngừa”. Trong cách tiếp cận phòng ngừa, những thay đổi của môi trường có thể là hậu quả của việc thực hiện một dự án kinh tế, sẽ được mô hình hoá trước khi ban hành quyết định về việc triển khai thực hiện dự án đó.

Ngoài ra, tại các nước phương Tây, quy trình đánh giá ATST đã trở thành cơ chế về sự tham

gia của cộng đồng vào quá trình đưa ra quyết định về phát triển kinh tế. Ví dụ, việc giải quyết các vấn đề sinh thái bức xúc nhất được thực hiện thông qua các phương pháp truyền thống như: Tổ chức các hoạt động thảo luận của cộng đồng, lấy ý kiến cộng đồng, việc bảo vệ nhu cầu sinh thái của nhân dân thông qua cơ chế toà án,...

Ở các nước phương Tây, các nhà lập sách ở tất cả các cấp là người thông qua tất cả các quyết định và họ cũng là những người được giao chức vụ thông qua quá trình bầu chọn. Họ có quyền hạn cho phép thực hiện dự án kinh tế, thậm chí cả khi dự án đó có thể gây tác động mạnh đến môi trường. Tuy nhiên, các hậu quả nghiêm trọng kể cả hậu quả về chính sách buộc họ phải cân nhắc kỹ lưỡng tất cả các yếu tố và tính đến các khía cạnh sinh thái của việc ban hành quyết định. Việc củng cố hoạt động đánh giá ATST bằng pháp luật tại các nước nêu trên và việc triển khai áp dụng hiệu quả quy trình đó trong thực tế đã chứng minh được sự dung hoà giữa các mục tiêu kinh tế - xã hội và nhu cầu sinh thái của cộng đồng trong từng quyết định có ảnh hưởng đến chất lượng của môi trường đang chuẩn bị được ban hành.

Ngành Xây dựng LB Nga cần một hệ thống mở mang tính phát triển cho công tác đào tạo từ xa, đào tạo lại và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ xây dựng định hướng vào hoạt động sinh thái. Cơ quan quản lý nghiên cứu khoa học thuộc ĐHXDQG Mátxcova sở hữu các nguồn lực thông tin và tri thức phục vụ sự hoạt động hiệu quả của một mạng lưới tin học hoá hiện đại. Trong khuôn khổ của mạng lưới này đang xây dựng các video chương trình đào tạo theo các môn học sau: Quản lý sinh thái và tiếp thị cho hoạt động xây dựng và công trình công cộng đô thị; Quản lý kỹ thuật và sự tự chủ của các tổ chức; Đánh giá tác động môi trường; Thẩm định sinh thái; Giám sát sinh thái; Quyền sinh thái; Cơ sở của việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên; Phân tích

hệ thống sinh thái.

Trường đã mở thêm 3 chuyên ngành mới đào tạo chuyên gia trình độ trên đại học (Tiến sỹ và Tiến sỹ khoa học) dành cho ngành xây dựng, trong đó có chuyên ngành sau: ATST xây dựng và quản lý đô thị; Sinh thái học; Tiêu chuẩn hoá và quản lý chất lượng sản phẩm.

#### **Quản lý kỹ thuật trong lĩnh vực hạ tầng đô thị**

Văn bản hướng dẫn “An toàn sinh thái của các công trình xây dựng kết cấu hạ tầng” đến nay còn chưa được dự thảo trong khi đó việc quản lý ATST của công trình và nhà thi được thực hiện theo văn bản hướng dẫn kỹ thuật có hiệu lực từ ngày 01/7/2010. Như vậy, có thể thấy tình trạng lạc hậu rõ ràng của công tác quản lý kỹ thuật các công trình kết cấu hạ tầng so với cách quản lý kỹ thuật đối với các công trình xây dựng trên tất cả các giai đoạn của chu trình tuổi thọ của công trình.

Có thể nhận thấy lĩnh vực phát triển đô thị hiện đang áp dụng hình thức quản lý về mặt pháp luật mà chưa phải là quản lý về mặt kỹ thuật. Bộ Luật Xây dựng đô thị LB Nga đề cập đến các đối tượng quản lý về mặt pháp luật trong công tác phát triển đô thị cũng như các chủ thể của các mối quan hệ trong phát triển đô thị, các loại hình và sự phân cấp của các văn bản quy phạm pháp luật.

Nhà nước cần quan tâm đến việc dự thảo và ban hành các tiêu chuẩn giáo dục đào tạo nhằm bảo đảm công tác đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, chuyên gia có đủ trình độ chuyên môn phục vụ cho công tác quản lý công trình kết cấu hạ tầng chống khủng hoảng trong phát triển đô thị. Sau đó, các cán bộ và chuyên gia đó lại là người soạn thảo và thực hiện trên thực tế các tiêu chuẩn chống khủng hoảng đối với hạ tầng đô thị và triển khai các văn bản hướng dẫn phát triển đô thị về mặt kỹ thuật. Đây là những văn bản sẽ trở thành cơ sở cho công tác quản lý kỹ thuật chống khủng hoảng đối với kết cấu hạ tầng.

Với mục tiêu khắc phục tình trạng chưa đạt yêu cầu của công tác quản lý kỹ thuật trong lĩnh vực hạ tầng đô thị, một chương trình quốc gia chống khủng hoảng cần được thực hiện kết hợp với việc dự thảo luật Liên bang về sự ATST của công trình xây dựng kết cấu hạ tầng. Chương trình cần dự tính cho giai đoạn 10 - 12 năm có tính đến sự trưởng thành của công tác quản lý kỹ thuật trong nước, kể cả tham khảo mô hình châu Âu được xây dựng trên cơ sở phương pháp tham chiếu gián tiếp đối với các tiêu chuẩn được ban hành trong thời gian 25 năm qua.

#### **Tiêu chuẩn hoá công tác đánh giá sinh thái đối với công trình xây dựng mới**

Ngày nay, việc đưa các sản phẩm mới vào sử dụng trong ngành Xây dựng đòi hỏi kết hợp hài hoà cách tiếp cận đánh giá trình độ kỹ thuật và chất lượng với các tiêu chuẩn đánh giá trên thế giới, trước hết là các tiêu chuẩn đánh giá của châu Âu. Hiện tại, cũng như trước đây, trên thị trường đầu tư của ngành Xây dựng còn thiếu một hệ thống các tiêu chí chất lượng sử dụng cho công tác đánh giá sản phẩm xây dựng. Ngành Xây dựng cần thành lập Hệ thống quản lý kỹ thuật đối với sản phẩm mới. Hệ thống được định hướng vào công tác đánh giá và triển khai các dự án đầu tư, trước hết là dự án đầu tư của Nhà nước kết hợp với việc sử dụng các bằng sáng chế, giấy phép và tiêu chuẩn đạt đẳng cấp thế giới.

Tiêu chuẩn hóa là công cụ nâng cao năng lực cạnh tranh và bảo đảm thực hiện đầu tư. Tiêu chuẩn hóa thúc đẩy sự tăng trưởng của GDP, ví dụ trong những năm qua giúp tăng 1% GDP tại Đức, Áo và Thụy Điển. Vào thời kỳ sau chiến tranh, công tác tiêu chuẩn hóa góp phần làm tăng 13% năng suất lao động tại Anh. Sự đóng góp của công tác tiêu chuẩn hóa đối với sự tăng trưởng kinh tế là làm tăng giá trị các chỉ tiêu tương ứng do áp dụng các bằng sáng chế và giấy phép.

Chu trình truyền thống phát triển chất lượng

được đặc trưng bởi các giai đoạn cơ bản. Mỗi giai đoạn cơ bản sẽ có công cụ tương ứng điều tiết hiệu quả định hướng, hoặc là tiêu chuẩn hoá hoặc là đổi mới và hiện đại hoá. Trong bối cảnh suy giảm của hình thái kinh tế dựa trên công nghệ hiện đại, trong những năm tới (15 - 20 năm) nền kinh tế thế giới đang trong điều kiện khủng hoảng sẽ tiếp tục tích lũy những sản phẩm mới mang tính đột phá. Trong giai đoạn tới, các nỗ lực thực hiện tiêu chuẩn hoá và làm hài hoà các tiêu chuẩn sẽ vẫn còn đem lại hiệu quả. Tiếp theo đó, một hình thái kinh tế dựa trên công nghệ mới sẽ giữ vị trí dẫn đầu. Vào giai đoạn phát triển mạnh của hình thái kinh tế này trong khoảng thời gian 20 - 40 năm bắt đầu từ năm 2030 công tác tiêu chuẩn hoá và hài hoà các tiêu chuẩn sẽ trở nên kém hiệu quả và giữ vị trí thứ hai, còn các sản phẩm mới của nền kinh tế quốc gia với sự tích lũy tiềm lực phát triển sẽ giữ vị trí đứng đầu.

Thực tiễn xây dựng trong nước cho thấy cần khuyến khích sử dụng một loại hình sản phẩm đặc biệt mới được gọi là sản phẩm mới của người tiên phong. Tính mới của sản phẩm này nảy sinh từ sự thiếu cân đối về mặt khoa học - công nghệ giữa các ngành kinh tế trong nước. Đa số các sản phẩm mới của nền kinh tế trong nước từ lâu đã được sử dụng tại các nước khác. Tính không xác định của các sản phẩm mới này thấp hơn do những người sử dụng các sản phẩm mới đó đã tích lũy được kinh nghiệm về sản phẩm. Tuy nhiên, vấn đề cơ bản của việc áp dụng các sản phẩm mới đó lại là vấn đề áp dụng phù hợp với điều kiện trong nước, trước hết là trong bối cảnh hệ thống văn bản pháp quy trong nước đã cũ. Do đó, công tác tiêu chuẩn hoá xây dựng được thực hiện hài hoà và định hướng vào các thành tựu của thế giới rõ ràng sẽ đem lại hiệu quả cao hơn so với các chỉ tiêu mà các nước phương Tây đạt được vào thời kỳ sau chiến tranh.

**Quản lý kỹ thuật và quá trình đổi mới ngành Xây dựng**

Trong các tài liệu quốc tế, thuật ngữ “sự đổi mới” được hiểu là sự biến tiềm lực khoa học - kỹ thuật thành sự tiến bộ mang tính thực tế được đưa vào các sản phẩm mới và công nghệ mới.

Với mục tiêu đẩy nhanh quá trình áp dụng sản phẩm mới cần bảo đảm sự tích hợp của 2 quá trình sau: *Một là* đẩy nhanh sự tăng trưởng của tiềm lực khoa học - kỹ thuật; *hai là* bảo đảm sự tăng trưởng hợp lý của vốn đầu tư vào việc áp dụng các sản phẩm mới từ hoạt động của tiềm lực khoa học - kỹ thuật.

Công tác quản lý kỹ thuật mang tính chống khủng hoảng sẽ là một quá trình đổi mới hữu ích nhờ sử dụng các dự báo mang tính khoa học, thực hiện tiêu chuẩn hoá vượt trước đối với các đối tượng của hình thái kinh tế dựa trên công nghệ mới. Và việc thực hiện đánh giá sự phù hợp của các giải pháp kỹ thuật mới với hình thái kinh tế dựa trên công nghệ mới kể cả sự phù hợp của công nghệ mới và vật liệu mới, nhằm giảm rủi ro và xây dựng luận chứng cho công tác đầu tư vào hiện đại hoá sản xuất xây dựng.

Điều đó đòi hỏi trước hết phải xây dựng được Quan điểm về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả áp dụng cho các chương trình phát triển đô thị. Sau đó, xây dựng các chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả áp dụng cho các đô thị và trung tâm công nghiệp ở LB Nga nói chung và thành phố Mátxcova nói riêng, cho giai đoạn năm 2015 - 2025.

Công tác kiểm tra việc thực hiện các văn bản pháp luật và quy phạm pháp luật về kỹ thuật (những văn bản liên quan đến việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong ngành Xây dựng và công trình công cộng) cần được triển khai trên thị trường thiết kế và cung cấp dịch vụ xây dựng, sản xuất vật liệu và cụm cấu kiện xây dựng.

Nhằm xóa bỏ các giới hạn cạnh tranh trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng và các rào cản kỹ thuật trong thương mại quốc tế để phát triển và bảo vệ tính cạnh tranh, cần triển khai thực hiện những công việc sau đây:

- Soạn thảo văn bản quản lý kỹ thuật “Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong ngành Xây dựng và công trình công cộng” bao gồm các văn bản pháp quy (tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn của các tổ chức) và hệ thống cung cấp thông tin về các tiêu chuẩn và quy định về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong ngành Xây dựng và công trình công cộng;

- Xây dựng hệ thống đánh giá sự phù hợp xét theo các yêu cầu về sinh thái và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong ngành Xây dựng và công trình công cộng, khuyến khích khách hàng và các đối tượng khác của các thị trường xây dựng xây dựng và áp dụng hệ thống sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong ngành Xây dựng và công trình công cộng;

- Dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến sự vận hành của thị trường thiết kế và cung cấp dịch vụ xây dựng, sản xuất vật liệu và cụm cấu kiện xây dựng trong ngành Xây dựng và công trình công cộng, phát hiện và khắc phục các mâu thuẫn, chông chéo về nội dung trong các văn bản quy phạm pháp luật đó;

- Xây dựng các mô hình mục tiêu đối với thị trường thiết kế và cung cấp dịch vụ xây dựng, sản xuất vật liệu và cụm cấu kiện xây dựng theo các tiêu chí sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong ngành Xây dựng và công trình công cộng;

- Xây dựng phương pháp và chế tài xử lý tài sản đối với các hành vi vi phạm của đơn vị thiết kế và cung cấp dịch vụ xây dựng, sản xuất vật liệu và cụm cấu kiện xây dựng trong ngành Xây dựng và công trình công cộng;

Đối với việc sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong phát triển đô thị, hiệu quả của việc áp dụng công nghệ mới phụ thuộc trực tiếp vào hệ thống sản phẩm mới trong Ngành và trong nước nói chung. Hệ thống đó cần phải dựa trên nền tảng pháp lý và quy phạm pháp luật mới, bao gồm các bộ phận sau: Các cổng thông tin với các thông tin về đấu giá các bằng sáng chế được đưa ra bán; chứng khoán của

các dịch vụ sản phẩm mới nhằm bảo vệ và thực hiện quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp; ngân hàng dữ liệu và cơ sở dữ liệu về các nguồn lực tri thức và nguồn lực của các nhà đầu tư có tiềm năng vốn đầu tư mạo hiểm. Hệ thống sản phẩm mới của ngành cần có doanh nghiệp vườn ươm công nghệ, công viên công nghệ và quỹ đầu tư mạo hiểm, với đầy đủ năng lực thực hiện thương mại hoá hoạt động chuyển giao công nghệ.

Những biện pháp dưới đây được khuyến nghị áp dụng nhằm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, giám sát việc thực hiện quyền tác giả đối với những đối tượng tham gia phát triển đô thị, kết cấu hạ tầng thương mại và công nghệ, kể cả các đối tượng tham gia giải quyết tranh chấp giữa các bên tham gia thị trường:

- Soạn thảo văn bản “Công bố thông tin về công trình xây dựng” nhằm xây dựng và bảo đảm duy trì sự vận hành của hệ thống thông tin thống nhất về các dự án kiến trúc và xây dựng đã được đánh giá xếp loại về sự phù hợp đối với các yêu cầu sinh thái, các yêu cầu sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong ngành xây dựng và công trình công cộng;

- Giám sát và thông báo cho các đối tượng tham gia hoạt động phát triển đô thị về sự thay đổi trong hệ thống pháp luật LB Nga hướng tới việc điều tiết các mối quan hệ trong lĩnh vực sản phẩm mới và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ kể cả giám sát việc thực hiện quyền tác giả;

- Tổ chức thực hiện các biện pháp nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực xây dựng và áp dụng cơ chế thị trường cho công tác phát triển đô thị và trao đổi kiến thức thực tiễn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của những người làm công tác nghiên cứu.

## **Kết luận**

**1.** Nhiệm vụ xây dựng lực lượng cán bộ cho công tác bảo đảm an toàn xây dựng và phát triển bền vững vùng lãnh thổ là một ưu tiên trong các hướng nghiên cứu - đào tạo của ĐHXDQG Mátxcova;



**2.** Lực lượng cán bộ, chuyên gia tham gia quản lý chống khủng hoảng sẽ là những người bảo đảm thực hiện các công tác xây dựng ở tất cả các giai đoạn trong chu trình tuổi thọ của sản phẩm và các quá trình. Các sản phẩm và quá trình này được bảo đảm đạt trình độ ATST và chất lượng tương ứng với các công nghệ tiên tiến của thế giới;

**3.** Nền công nghiệp ATST trong xây dựng được thiết lập trên cơ sở sự quản lý kỹ thuật chống khủng hoảng và sự tự chủ trong ngành

xây dựng sẽ bảo đảm duy trì sự an toàn và chất lượng ở tất cả các giai đoạn của chu trình tuổi thọ của nhà và công trình, bảo đảm cung cấp các dịch vụ đáp tạo, tư vấn, đổi mới trong hoạt động quản lý kỹ thuật và tự chủ.

**V. I. Telichenko và M.Yu. Slesarev**

*Nguồn: Tạp chí Xây dựng công nghiệp và dân dụng Nga, số 6/2014*

**ND: Huỳnh Phước**

# LỄ KỶ NIỆM 30 NĂM NGÀY THÀNH LẬP HỘI VẬT LIỆU XÂY DỰNG VIỆT NAM (1984 - 2014)

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2014



Thủ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam phát biểu tại buổi Lễ



Thủ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ trao tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho Hội VLXD Việt Nam